

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CẤP QUYẾT ĐỊNH ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KAFI

(Giấy chứng nhận ĐKDN số 0304763613 do Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh) cấp lần đầu ngày 29/12/2006, cấp thay đổi lần thứ 20, ngày 25/05/2026.

Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 51/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/12/2006. Giấy phép điều chỉnh gần nhất

số 55/GPĐC-UBCK ngày 15/05/2026)



ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU

TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Quyết định chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu số/QĐ-SGDHN do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày tháng năm 2026)

Bản công bố thông tin này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày tại:

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH	
	CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KAFI Địa chỉ: Phòng 1403, Lầu 14, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh. Điện thoại: (028) 7102 9898 - Fax: 028 3999 1198 Website: www.kafi.vn
TỔ CHỨC TƯ VẤN	
	CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Léman Luxury, 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh. Điện thoại: (028) 7300 7000 - Fax: (028) 7300 3751 Website: www.acbs.com.vn
PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN	
Bà: Phan Thị Hồng Thắm	Chức vụ: Trưởng bộ phận Pháp chế
Điện thoại:	(028) 7102 9898

TP. Hồ Chí Minh, tháng 08 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KAFI

(Giấy chứng nhận ĐKDN số 0304763613 do Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh) cấp lần đầu ngày 29/12/2006, cấp thay đổi lần thứ 20, ngày 25/05/2026.

Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 51/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/12/2006. Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 55/GPĐC-UBCK ngày 15/05/2026)

**ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU
TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Tổ chức đăng ký giao dịch:	Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI
Loại chứng khoán:	Cổ phiếu phổ thông
Mã chứng khoán:	KAI
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phiếu
Số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch:	750.000.000 cổ phiếu
Giá trị chứng khoán đăng ký giao dịch:	7.500.000.000.000 đồng

TỔ CHỨC TƯ VẤN**CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB**

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Léman Luxury, 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Xuân Hòa, TP. HCM.

Điện thoại: (028) 7300 7000

Website: www.acbs.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN**CÔNG TY TNHH Ernst & Young Việt Nam**

Địa chỉ: Số 2 đường Hải Triều, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (028) 3824 5252

Website: <http://www.ey.com>

MỤC LỤC

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH	8
1. Thông tin chung về Công ty.....	8
1.1. Thông tin chung về Công ty.....	8
1.2. Chứng khoán đăng ký giao dịch	9
2. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty.....	9
2.1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Công ty	9
2.2. Ngày Công ty đáp ứng điều kiện công ty đại chúng.....	12
2.3. Thông tin về vốn điều lệ, cơ cấu cổ đông	12
3. Cơ cấu tổ chức của Công ty	13
4. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	13
4.1. Đại hội đồng cổ đông	14
4.2. Hội đồng quản trị	15
4.3. Ban kiểm soát.....	16
4.4. Kiểm toán nội bộ	16
4.5. Ban Tổng giám đốc.....	17
4.6. Khối Kinh doanh chứng khoán Bán lẻ	17
4.7. Kinh doanh số.....	18
4.8. Tự doanh chứng khoán và Phái sinh.....	18
4.9. Dịch vụ ngân hàng đầu tư.....	19
4.10. Thị trường tài chính.....	19
4.11. Kinh doanh và Giao dịch khách hàng định chế	20
4.12. Vận hành nghiệp vụ	20
4.13. Văn phòng chuyển đổi.....	20
4.14. Giải pháp Công nghệ.....	20
4.15. Dịch vụ Công nghệ.....	20
4.16. Nghiên cứu và Tư vấn đầu tư	21
4.17. Truyền thông và thương hiệu.....	21
4.18. Quản trị Rủi ro	21
4.19. Dịch vụ Tài chính.....	21

4.20. Kiểm soát nội bộ.....	21
4.21. Pháp chế	22
4.22. Nhân sự.....	22
4.23. Hành chính và Mua sắm	22
4.24. Chi nhánh, phòng giao dịch.....	22
5. Giới thiệu về quá trình góp vốn thành lập, thay đổi vốn điều lệ của Công ty.....	23
6. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm gần nhất	30
7. Hoạt động kinh doanh	31
7.1. Mạng môi giới chứng khoán	31
7.2. Mạng bảo lãnh phát hành chứng khoán.....	33
7.3. Mạng tự doanh cổ phiếu và chứng khoán phái sinh.....	34
7.4. Mạng phát hành chứng quyền có bảo đảm.....	34
7.5. Tình hình tranh chấp/kiện tụng	34
8. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất	34
8.1. Về tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh	34
8.2. Kết quả hoạt động kinh doanh	35
9. Vị thế của Công ty trong ngành.....	39
9.1. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	39
9.2. Triển vọng phát triển của ngành	40
10. Chính sách đối với người lao động	42
10.1. Số lượng người lao động trong Công ty	42
10.2. Chính sách tuyển dụng, đào tạo	42
10.3. Chính sách tiền lương thưởng, trợ cấp.....	43
10.4. Chính sách phát hành cổ phiếu cho người lao động.....	43
11. Chính sách cổ tức	43
12. Tình hình tài chính trong năm gần nhất và đến quý gần nhất	44
12.1 Tình hình công nợ.....	44
12.2 Các khoản phải nộp theo luật định.....	47
12.3 Trích lập quỹ	48

12.4	Những sự kiện có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính 2025	49
12.5	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	49
13.	Tài sản cố định	51
14.	Các dự án của Công ty	51
15.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	52
16.	Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của Công ty	55
16.1.	Cam kết theo hợp đồng giao dịch ký quỹ	55
16.2.	Cam kết khác	55
17.	Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh	55
17.1.	Tổng quan về chiến lược kinh doanh	55
17.2.	Thời gian dự kiến thực hiện	56
17.3.	Nguồn vốn và nguồn lực dự kiến	56
18.	Các thông tin, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty	56
II.	QUẢN TRỊ CÔNG TY	57
1.	Cơ cấu, thành phần của HĐQT	57
2.	Ban kiểm soát	64
3.	Ban Tổng giám đốc	68
4.	Kế hoạch tăng cường quản trị Công ty	68
5.	Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ	69
6.	Thống kê các giao dịch giữa Công ty với người có liên quan theo quy định	76
III.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH, CAM KẾT CỦA CÔNG TY	82
1.	Những người chịu trách nhiệm chính đối với nội dung Bản công bố thông tin Tổ chức đăng ký giao dịch	82
1.1.	Tổ chức đăng ký giao dịch	82
1.2.	Tổ chức tư vấn:	83
2.	Cam kết của Công ty	83

CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

Công ty/KAFI	: Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI
CTCP	: Công ty cổ phần
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	: Hội đồng quản trị
UBCKNN	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
BCTC	: Báo cáo tài chính
CBTT	: Công bố thông tin
BKS	: Ban kiểm soát
TGĐ	: Tổng giám đốc
CBNV	: Cán bộ nhân viên
VĐL	: Vốn điều lệ
N/A	: Không áp dụng

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Cơ cấu tổ chức của Công ty.....	14
Hình 2. Dư nợ cho vay ký quỹ giai đoạn từ 2022 – Bán niên 2026	33



DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1. Cơ cấu cổ đông tại ngày 16/07/2026	30
Bảng 2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty.....	31
Bảng 3. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty giai đoạn 2024 – 6T.2026.....	35
Bảng 4. Cơ cấu doanh thu hoạt động theo từng nghiệp vụ của Công ty giai đoạn 2024 – bán niên 2026	36
Bảng 5. Cơ cấu chi phí hoạt động theo từng nghiệp vụ của Công ty giai đoạn 2024 – bán niên 2026	37
Bảng 6. Cơ cấu lợi nhuận gộp theo các mảng hoạt động kinh doanh chính.....	38
Bảng 7. Tình hình phải thu các năm 2024 – bán niên 2026.....	45
Bảng 8. Tình hình nợ phải trả năm 2024 – bán niên 2026	45
Bảng 9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước năm 2025.....	47
Bảng 10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước bán niên 2026.....	48
Bảng 11. Số dư các quỹ	48
Bảng 12. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	49
Bảng 13. Quy mô tài sản của Công ty từ năm 2024 – bán niên 2026.....	49
Bảng 14. Tài sản cố định	51
Bảng 15. Kế hoạch lợi nhuận, cổ tức năm 2026.....	52
Bảng 16. Danh sách người nội bộ và người có liên quan tại ngày 16/07/2026	69
Bảng 17. Giao dịch giữa Công ty và người có liên quan của Công ty năm 2025, bán niên 2026	76

NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH****1. Thông tin chung về Công ty****1.1. Thông tin chung về Công ty**

Tên Công ty:	Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI KAFI Securities Corporation
Trụ sở chính:	Phòng 1403, Lầu 14, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh
Số điện thoại:	(028) 7102 9898
Website:	https://www.kafi.vn
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:	0304763613 cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2006, cấp thay đổi lần thứ 20 ngày 25 tháng 05 năm 2026
Giấy phép thành lập và hoạt động số:	51/UBCK-GPHĐKD ngày 29 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 55/GPĐC-UBCK ngày 15 tháng 05 năm 2026
Người đại diện theo pháp luật:	Ông Nguyễn Việt Cường – Chủ tịch Hội đồng quản trị Ông Trịnh Thanh Cần – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc
Ngành nghề kinh doanh chính:	Công ty được cấp phép thực hiện các hoạt động kinh doanh sau: môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tự doanh chứng khoán phái sinh và môi giới chứng khoán phái sinh.

1.2. Chứng khoán đăng ký giao dịch

- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng
- Mã chứng khoán: KAI
- Tổng số chứng khoán đăng ký giao dịch: 750.000.000 cổ phiếu
- Giá trị chứng khoán đăng ký giao dịch: 7.500.000.000.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu bị hạn chế theo quy định của pháp luật hoặc tổ chức đăng ký giao dịch: Không có
- Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài: Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung Nghị định này và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán. Ngày 21/07/2026, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã có văn bản số 6753/UBCK-QLKD về việc nhận được hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty tại mức 100%.
- Tại thời điểm ngày 16/07/2026: tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI là 150.000.000 cổ phiếu, tương ứng 20% vốn điều lệ.

2. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty**2.1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Công ty**

Năm	Sự kiện
Tháng 12/2006	Công ty Cổ phần Chứng khoán Hoàng Gia được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005828 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp và giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 51/UBCK-GPHĐKD do UBCKNN cấp ngày 29/12/2006. Trụ sở chính Công ty được đặt tại 19 Hoàng Diệu, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh. Công ty được thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh: Môi giới chứng khoán, Tự doanh chứng khoán, Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán và Lưu ký chứng khoán. Công ty có vốn điều lệ ban đầu là 20.000.000.000 đồng.
Tháng 4/2007	Công ty thay đổi địa chỉ trụ sở chính về Lầu 2, 106 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Năm	Sự kiện
Tháng 6/2007	Công ty trở thành thành viên giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.
Tháng 9/2007	Công ty trở thành thành viên giao dịch của HNX.
Tháng 3/2009	Công ty rút bớt nghiệp vụ Tự doanh Chứng khoán. UBCKNN cấp Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập hoạt động cho Công ty trong đó có nội dung tăng vốn điều lệ lên 35 tỷ đồng.
Tháng 10/2010	Công ty thay đổi địa chỉ trụ sở chính về 15 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
Tháng 02/2015	UBCKNN cấp Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập hoạt động cho Công ty trong đó có nội dung tăng vốn điều lệ lên 55 tỷ đồng.
Tháng 02/2019	UBCKNN ban hành công văn số 1201/UBCK-QLKD ngày 22/02/2019 về việc xác nhận UBCKNN đã nhận được tài liệu báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty.
Tháng 3/2019	Tháng 03: Công ty đổi tên từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Hoàng Gia (ROSE) thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Globalmind Capital (GMC). Công ty thay đổi địa chỉ trụ sở chính về 62 Trần Huy Liệu, Phường 12, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh. UBCKNN cấp Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập hoạt động cho Công ty trong đó có nội dung tăng vốn điều lệ lên 155 tỷ đồng.
Tháng 6/2020	Công ty được cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến.
Tháng 12/2020	Công ty được cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ chứng khoán.
Tháng 4/2021	Công ty được cấp phép nghiệp vụ Tự doanh chứng khoán.
Tháng 6/2021	Công ty thay đổi địa chỉ trụ sở chính về 62 Trần Huy Liệu, Phường 11, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.
Tháng 3/2022	Công ty thay đổi địa chỉ trụ sở chính về Phòng 1403, Lầu 14, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Năm	Sự kiện
Tháng 8/2022	Công ty đổi tên từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Globalmind Capital (GMC) thành Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI (KAFI). UBCKNN cấp Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập hoạt động cho Công ty trong đó có nội dung tăng vốn điều lệ lên 1.000 tỷ đồng.
Tháng 9/2022	Công ty được cấp phép nghiệp vụ Bảo lãnh phát hành chứng khoán.
Tháng 3/2023	Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 14, trong đó có nội dung tăng vốn điều lệ lên 1.000 tỷ đồng.
Tháng 8/2023	UBCKNN cấp Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập hoạt động cho Công ty trong đó có nội dung tăng vốn điều lệ lên 1.500 tỷ đồng.
Tháng 10/2023	Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 15, trong đó có nội dung tăng vốn điều lệ lên 1.500 tỷ đồng.
Tháng 01/2024	Công ty thành lập Phòng giao dịch Sài Gòn.
Tháng 4/2024	UBCKNN cấp Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập hoạt động cho Công ty trong đó có nội dung tăng vốn điều lệ lên 2.500 tỷ đồng.
Tháng 5/2024	Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 16 trong đó có nội dung tăng vốn điều lệ lên 2.500 tỷ đồng.
Tháng 6/2024	Công ty thành lập Chi nhánh Hà Nội.
Tháng 11/2024	Công ty được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh (gồm hoạt động môi giới chứng khoán phái sinh, tự doanh chứng khoán phái sinh).
Tháng 12/2024	UBCKNN cấp Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập hoạt động cho Công ty trong đó có nội dung tăng vốn điều lệ lên 5.000 tỷ đồng. Công ty được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh.
Tháng 01/2025	Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 17, trong đó có nội dung tăng vốn điều lệ lên 5.000 tỷ đồng.

Năm	Sự kiện
Tháng 8/2025	Công ty thành lập Phòng giao dịch Hồ Chí Minh.
Tháng 10/2025	UBCKNN cấp Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập hoạt động cho Công ty trong đó có nội dung tăng vốn điều lệ lên 7.500 tỷ đồng. Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 19, trong đó có nội dung tăng vốn điều lệ lên 7.500 tỷ đồng.
Tháng 5/2026	Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 20.
Tháng 7/2026	UBCKNN xác nhận KAFI trở thành công ty đại chúng.

2.2. Ngày Công ty đáp ứng điều kiện công ty đại chúng

- Ngày Công ty đáp ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 11 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15: 25/11/2025;
- Ngày Công ty được chấp thuận đại chúng theo công văn số 6235/UBCK-QLKD Của UBCKNN: 06/07/2026.

2.3. Thông tin về vốn điều lệ, cơ cấu cổ đông

- Tại ngày đáp ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 11 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15:
 - o Vốn điều lệ: 7.500.000.000.000 đồng
 - o Vốn chủ sở hữu (theo BCTC soát xét bán niên năm 2025 của KAFI): 5.144.581.812.650 đồng
 - o Số lượng cổ đông: 109
 - o Cơ cấu cổ đông: 108 cổ đông không phải là cổ đông lớn, sở hữu 600.000.000 cổ phiếu có quyền biểu quyết, tỷ lệ sở hữu 80% trên vốn điều lệ.
- Tại thời điểm nộp hồ sơ (tại ngày 16/07/2026):
 - o Vốn điều lệ: 7.500.000.000.000 đồng
 - o Vốn chủ sở hữu (theo BCTC soát xét bán niên năm 2026 của KAFI): 8.237.904.629.789 đồng
 - o Số lượng cổ đông: 141
 - o Cơ cấu cổ đông: 140 cổ đông không phải là cổ đông lớn, sở hữu 600.000.000 cổ phiếu có quyền biểu quyết, tỷ lệ sở hữu 80% trên vốn điều lệ.

3. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Tại ngày lập Bản Công bố thông tin về Tổ chức đăng ký giao dịch này:

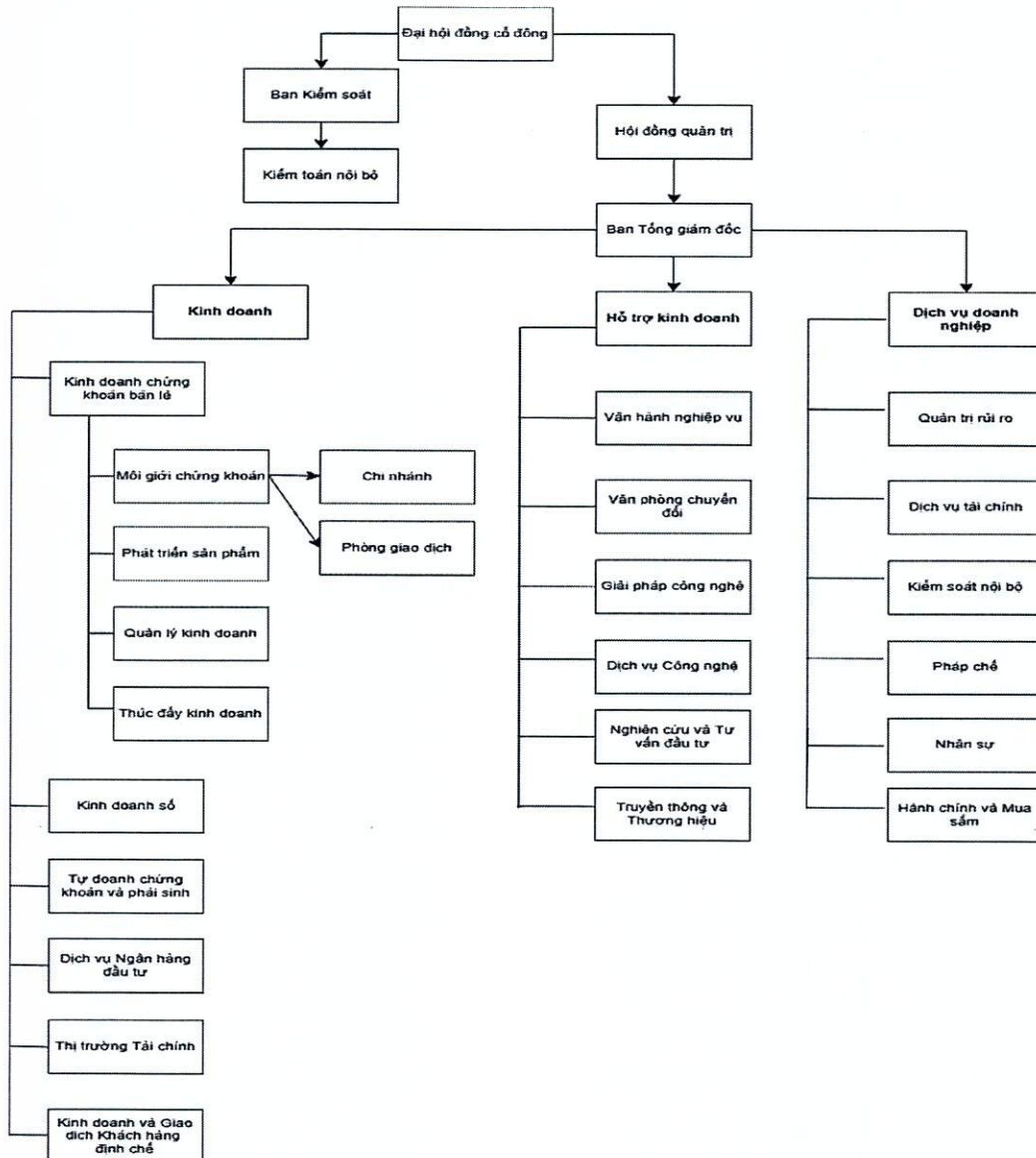
- KAFI không có công ty mẹ/công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với KAFI;
- KAFI không có công ty con, công ty liên kết, công ty mà KAFI nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối.

4. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

KAFI được tổ chức và điều hành theo mô hình công ty cổ phần, tuân thủ theo các quy định của pháp luật hiện hành. Cấu trúc Công ty được xây dựng dựa trên chức năng, nhiệm vụ các bộ phận đảm bảo liên kết chặt chẽ, vận hành linh hoạt và phù hợp với lĩnh vực hoạt động.

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

Hình 1. Cơ cấu tổ chức của Công ty



Nguồn: KAFI

4.1. Đại hội đồng cổ đông

ĐHĐCĐ gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ có các quyền sau:

- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Thông qua định hướng phát triển của Công ty để Hội đồng quản trị có cơ sở quyết định kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;

- Quyết định số lượng thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

4.2. Hội đồng quản trị

HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT có các quyền sau:

- Quyết định cơ cấu tổ chức tổng thể, mô hình vận hành của Công ty;
- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty trên cơ sở định hướng phát triển Công ty đã được ĐHĐCĐ thông qua và phù hợp với ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh của Công ty theo quyết định của ĐHĐCĐ;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, quyết định mức lương và quyền lợi khác đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác theo phân cấp thẩm quyền nội bộ của Công ty trong phạm vi ngân sách hoạt động hằng năm đã được ĐHĐCĐ phê duyệt;
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm của Công ty trình ĐHĐCĐ;
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ;
- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị hiện tại gồm 05 (năm) thành viên, trong đó có một thành viên là Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Cơ cấu HĐQT hiện tại như sau:

STT	Họ và Tên	Chức danh
1.	Ông Nguyễn Việt Cường	- Chủ tịch Hội đồng quản trị
2.	Ông Trần Tuấn Minh	- Thành viên Hội đồng quản trị
3.	Ông Hà Hoàng Dũng	- Thành viên Hội đồng quản trị
4.	Ông Trịnh Thanh Cần	- Thành viên Hội đồng quản trị
5.	Ông Diệp Thế Anh	- Thành viên Hội đồng quản trị

4.3. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra để thực hiện giám sát HĐQT, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những nhiệm vụ được giao, bao gồm:

- Chịu trách nhiệm trước Cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
- Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, Người quản lý khác;
- Xây dựng Quy chế Tổ chức và hoạt động của BKS và trình ĐHĐCĐ thông qua;
- Các quyền và nghĩa vụ khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

Ban kiểm soát của Công ty bao gồm 03 (ba) thành viên, trong đó có một thành viên là Trưởng ban kiểm soát.

Cơ cấu Ban kiểm soát hiện tại như sau:

STT	Họ và Tên	Chức danh
1.	Ông Nguyễn Thanh Hải	- Trưởng Ban kiểm soát
2.	Bà Mai Hiền Vân	- Kiểm soát viên
3.	Ông Trần Xuân Cảnh	- Kiểm soát viên

4.4. Kiểm toán nội bộ

- Đánh giá độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, Điều lệ, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này;

- Đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ;
- Tham mưu thiết lập các chính sách và quy trình nội bộ;
- Đánh giá việc tuân thủ các quy định pháp luật, kiểm soát các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản;
- Đánh giá quy trình xác định, đánh giá và quản lý rủi ro kinh doanh;
- Đánh giá hiệu quả của các hoạt động;
- Thực hiện kiểm soát hệ thống công nghệ thông tin;
- Điều tra các vi phạm trong nội bộ Công ty;
- Thực hiện kiểm toán nội bộ Công ty và các Công ty con của Công ty (nếu có).

4.5. Ban Tổng giám đốc

Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty do HĐQT bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

Phó TGD phụ trách Công nghệ vận hành chịu trách nhiệm chỉ đạo trực tiếp và quản lý hoạt động của các Phòng theo Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Ban TGD, đồng thời thay mặt TGD quyết định các vấn đề trong phạm vi được phân quyền hoặc ủy quyền. Bên cạnh việc chịu trách nhiệm chính trong xây dựng chiến lược, kế hoạch Công nghệ vận hành và tham mưu cho TGD quyết định hoặc đề xuất HĐQT quyết định những vấn đề liên quan, Phó TGD còn chủ động giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc lĩnh vực phụ trách, xin ý kiến TGD về những vấn đề phức tạp hoặc khi thấy cần thiết, cũng như thực hiện các trách nhiệm và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và hợp đồng lao động.

Danh sách Ban TGD của Công ty hiện tại như sau:

STT	Họ và Tên	Chức danh
1.	Ông Trịnh Thanh Cần	- Tổng giám đốc
2.	Ông Diệp Thế Anh	- Phó Tổng giám đốc

4.6. Khối Kinh doanh chứng khoán Bán lẻ

Môi giới chứng khoán

- Quản lý, tổ chức hoạt động môi giới chứng khoán, cung cấp các sản phẩm và dịch vụ do Công ty ban hành tới các khách hàng, nhà đầu tư;
- Hoạt động môi giới chứng khoán được triển khai thông qua mạng lưới các chi nhánh/phòng giao dịch (vùng kinh doanh), trực thuộc hội sở chính tuân thủ theo quy

định của Công ty và tuân thủ các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về hoạt động mạng lưới;

- Chịu trách nhiệm về hiệu quả kinh doanh và chất lượng dịch vụ môi giới;

Phát triển Sản phẩm

- Nghiên cứu, thiết kế và xây dựng chiến lược phát triển sản phẩm tài chính, sản phẩm đầu tư chủ động và các sản phẩm khác theo định hướng kinh doanh từng thời kỳ;
- Xây dựng và quản trị chính sách sản phẩm, quy trình vận hành sản phẩm;

Quản lý Kinh doanh

- Xây dựng và quản trị hệ thống chỉ tiêu kinh doanh, cơ chế bán hàng và khung đánh giá hiệu suất cho hoạt động môi giới chứng khoán bán lẻ;
- Xây dựng, quản trị và triển khai đào tạo chính sách kinh doanh, chính sách chi trả, cơ chế khuyến khích, khen thưởng và khung quản trị hiệu suất nhằm tối ưu năng suất và hiệu quả đội ngũ môi giới chứng khoán bán lẻ;

Thúc đẩy kinh doanh

- Giám sát tiến độ hoàn thành chỉ tiêu kinh doanh và triển khai các giải pháp thúc đẩy nhằm đảm bảo hoàn thành kế hoạch;
- Triển khai các chương trình thúc đẩy bán hàng nhằm gia tăng doanh thu, quy mô khách hàng và thị phần.

4.7. Kinh doanh số

Phát triển kinh doanh Kênh số:

- Xây dựng và triển khai chiến lược kinh doanh số cho các sản phẩm chứng khoán;
- Quản lý và phát triển kênh bán hàng trực tiếp, phát triển cơ sở khách hàng chất lượng, tăng trưởng thị phần và tối ưu hiệu quả kinh doanh;

Giải pháp kinh doanh số:

- Xây dựng các giải pháp, nền tảng và sản phẩm số phục vụ hoạt động kinh doanh chứng khoán;
- Đề xuất mô hình sản phẩm số, kiến trúc hệ thống và trải nghiệm người dùng phù hợp;
- Nâng cao trải nghiệm khách hàng thông qua phân tích hành trình, hành vi và nhu cầu trên nền tảng số, từ đó thiết kế các giải pháp liền mạch, cá nhân hóa và gia tăng tương tác đa kênh.

4.8. Tự doanh chứng khoán và Phái sinh

Giao dịch Chứng khoán và Phái sinh:

- Xây dựng và triển khai các chiến lược giao dịch đầu tư chứng khoán; theo dõi, đánh giá hiệu quả danh mục, thanh khoản và rủi ro thị trường; chủ động điều chỉnh và tái cơ cấu danh mục theo diễn biến thị trường.
- Xây dựng và triển khai các chiến lược phòng ngừa rủi ro thông qua công cụ phái sinh; thực hiện giao dịch Hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn và các công cụ phái sinh khác dựa trên tài sản cơ sở (cổ phiếu, chỉ số); quản lý danh mục phái sinh nhằm tối ưu hiệu quả và kiểm soát rủi ro.

Chứng quyền có bảo đảm:

- Tổ chức phát hành và thực hiện tạo lập thị trường đối với chứng quyền có bảo đảm theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công ty;
- Quản lý danh mục chứng quyền có bảo đảm, tài sản cơ sở và các vị thế liên quan nhằm bảo đảm thanh khoản, hiệu quả hoạt động và tuân thủ nghĩa vụ của tổ chức phát hành.

4.9. Dịch vụ ngân hàng đầu tư

- Xây dựng và quản lý hoạt động cung cấp dịch vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Xây dựng và quản lý dịch vụ tư vấn hồ sơ chào bán cổ phiếu, trái phiếu;
- Triển khai tư vấn tái cơ cấu, hợp nhất, sáp nhập, mua bán doanh nghiệp; tư vấn quản trị và chiến lược doanh nghiệp; tư vấn chào bán, niêm yết, đăng ký giao dịch cổ phiếu; tư vấn cổ phần hóa doanh nghiệp và các dịch vụ tài chính doanh nghiệp khác phù hợp với quy định pháp luật.

4.10. Thị trường tài chính

Nguồn vốn:

- Cân đối và điều phối thanh khoản, theo dõi – cập nhật dòng tiền vào/ra thực tế hằng ngày, chủ động chuẩn bị nguồn vốn nhằm đảm bảo đầy đủ khả năng thanh toán cho Công ty;
- Quản lý tài khoản ngân hàng và điều chuyển tiền nội bộ nhằm đảm bảo các nghĩa vụ và tối ưu hiệu quả sử dụng vốn;

Thị trường vốn:

- Quản trị danh mục Giấy tờ có giá đồng thời phối hợp triển khai huy động vốn;

Giải pháp Thị trường Tài chính:

- Phát triển và quản lý danh mục sản phẩm đầu tư thụ động bao gồm các nền tảng đầu tư, tích lũy và quản lý tài sản số cũng như các giải pháp công nghệ của Khối Thị trường Tài chính;

- Quản trị vòng đời sản phẩm, trải nghiệm người dùng và khai thác dữ liệu để nâng cao hiệu quả.

4.11. Kinh doanh và Giao dịch khách hàng định chế

- Phát triển và quản lý quan hệ với nhà đầu tư tổ chức trong và ngoài nước, khai thác nhu cầu đầu tư và cơ hội giao dịch nhằm gia tăng doanh thu và thị phần;
- Tổ chức hoạt động kết nối doanh nghiệp và phân phối sản phẩm tài chính tới khách hàng tổ chức.

4.12. Vận hành nghiệp vụ

- Quản lý và vận hành các hoạt động nghiệp vụ chứng khoán và quản lý tài sản, bao gồm quản lý thông tin và tài khoản khách hàng, hỗ trợ thực hiện giao dịch và cung cấp thông tin sản phẩm dịch vụ;
- Quản lý hoạt động giao dịch và thanh toán các nghiệp vụ giấy tờ có giá; bảo đảm tính chính xác, an toàn dữ liệu và tuân thủ các quy định pháp luật và quy định nội bộ.

4.13. Văn phòng chuyển đổi

- Điều phối và quản trị các chương trình chuyển đổi của Công ty nhằm đảm bảo thống nhất với chiến lược, mô hình vận hành và mục tiêu phát triển trong từng giai đoạn;
- Đánh giá hiệu quả các chương trình và dự án chuyển đổi toàn Công ty; thiết lập cơ chế đánh giá, ưu tiên, phê duyệt và điều chỉnh các dự án theo mục tiêu chiến lược.

4.14. Giải pháp Công nghệ

- Xây dựng và triển khai chiến lược công nghệ nhằm hỗ trợ và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty thông qua phát triển các nền tảng số, giải pháp công nghệ và ứng dụng dữ liệu;
- Triển khai các dự án công nghệ phục vụ tự động hóa, số hóa quy trình và phát triển các nền tảng giao dịch, hệ thống ứng dụng phục vụ hoạt động kinh doanh và vận hành của Công ty.

4.15. Dịch vụ Công nghệ

- Thiết kế tổng thể, xây dựng, triển khai và vận hành dịch vụ hạ tầng, ứng dụng, phần mềm trên hệ thống máy chủ nội bộ và đám mây đảm bảo nền tảng vững chắc cho toàn bộ hệ thống hoạt động liên tục;
- Quản lý, triển khai và vận hành dịch vụ an toàn thông tin để tối ưu hiệu quả, bảo mật dữ liệu, giảm thiểu rủi ro vận hành, đồng hành tuân thủ quy định pháp luật và nội bộ Công ty.

4.16. Nghiên cứu và Tư vấn đầu tư

Nghiên cứu thị trường:

- Nghiên cứu, phân tích báo cáo kinh tế vĩ mô, thị trường chứng khoán, ngành nghề và hoạt động của các doanh nghiệp niêm yết;
- Tổ chức và thực hiện việc đưa ra các khuyến nghị nhằm hỗ trợ hoạt động kinh doanh của Công ty;

Tư vấn đầu tư:

- Cung cấp kết quả phân tích, báo cáo phân tích và đưa ra khuyến nghị liên quan đến việc mua, bán, nắm giữ chứng khoán cho các khách hàng/nhà đầu tư của Công ty.

4.17. Truyền thông và thương hiệu

- Xây dựng và triển khai chiến lược thương hiệu nhằm nâng cao nhận diện và giá trị thương hiệu của Công ty trên thị trường;
- Quản lý tính nhất quán và hiệu quả của bộ nhận diện thương hiệu trong mọi hoạt động truyền thông và marketing.

4.18. Quản trị Rủi ro

- Xây dựng chiến lược, chính sách và mô hình quản trị rủi ro dựa trên khẩu vị rủi ro của Công ty, bao gồm rủi ro tín dụng, thị trường, thanh toán, thanh khoản, hoạt động;
- Thiết lập, giới hạn rủi ro và mô hình đo lường cần thiết, giám sát và cảnh báo vi phạm;
- Tham mưu HĐQT, Ban TGD về khẩu vị rủi ro, chiến lược rủi ro và các biện pháp kiểm soát theo từng giai đoạn của Công ty.

4.19. Dịch vụ Tài chính

- Xây dựng và quản lý kế hoạch tài chính, kế hoạch vốn, ngân sách Công ty;
- Quản trị bảng cân đối tài sản, doanh thu, chi phí để tối ưu tăng trưởng, hiệu quả, cân bằng lợi nhuận và rủi ro;
- Thực hiện nghiệp vụ tài chính hỗ trợ kinh doanh và đầu tư, giám sát rủi ro tài chính, cung cấp báo cáo quản trị, phân tích và đánh giá hiệu quả theo yêu cầu Ban TGD;
- Triển khai hoạt động quan hệ nhà đầu tư, xây dựng mối liên kết với cổ đông, nhà đầu tư, tổ chức tài chính, công ty chứng khoán và quỹ đầu tư;
- Thiết lập và quản lý chính sách, quy trình kế toán và thuế, đảm bảo tuân thủ chuẩn mực kế toán và quy định pháp luật;
- Đảm nhận vai trò tuyến đầu trong nhận diện, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro tài chính.

4.20. Kiểm soát nội bộ

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật và quy trình, quy chế, quy định nội bộ;
- Tư vấn cải thiện quy trình, biện pháp kiểm soát nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động hệ thống kiểm soát nội bộ và giảm thiểu rủi ro.

4.21. Pháp chế

- Theo dõi và quản lý sự thay đổi của quy định pháp luật Việt Nam, đặc biệt trong lĩnh vực chứng khoán, phối hợp với các khối có liên quan để điều chỉnh quy định nội bộ bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật hiện hành;
- Chịu trách nhiệm quản trị rủi ro tuân thủ pháp luật tại Công ty.

4.22. Nhân sự

- Xây dựng và triển khai chiến lược, chính sách và hệ thống quản trị nguồn nhân lực, bao gồm tổ chức, tuyển dụng, đãi ngộ, quản lý hiệu suất và phát triển nhân tài, phù hợp với định hướng kinh doanh của Công ty;
- Hoạch định, bố trí và quản lý nguồn nhân lực; vận hành hệ thống, dữ liệu nhân sự tập trung nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và tối ưu chi phí nhân sự.

4.23. Hành chính và Mua sắm

- Quản lý danh mục tài sản và triển khai hệ thống quản lý tài sản nhằm bảo đảm hiệu quả sử dụng và tối ưu nguồn lực của Công ty;
- Giám sát hoạt động hành chính, văn thư lưu trữ, lễ tân và dịch vụ hành chính; đánh giá và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả vận hành hành chính.

4.24. Chi nhánh, phòng giao dịch

Công ty hiện đang có 01 (một) Chi nhánh tại Hà Nội và 02 (hai) Phòng giao dịch tại TP. Hồ Chí Minh, chi tiết như sau:

Chi nhánh/Phòng giao dịch	Địa chỉ
Chi nhánh Hà Nội	Một phần Tầng 1, Tòa nhà CornerStone, số 16, phố Phan Chu Trinh, Phường Cửa Nam, TP. Hà Nội, Việt Nam
Phòng giao dịch Sài Gòn	Phòng 102, Tầng 1, Tòa nhà Sài Gòn Tower, 29 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Phòng giao dịch Hồ Chí Minh	Phòng 601A, lầu 6, Phòng 805 và 801A, lầu 8, Centec Tower, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

5. Giới thiệu về quá trình góp vốn thành lập, thay đổi vốn điều lệ của Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI được thành lập ngày 29/12/2006 theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 51/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304763613 do Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh) cấp lần đầu ngày 29/12/2006. Đến nay Công ty đã trải qua các đợt tăng vốn với thông tin cụ thể như sau:

Đơn vị: tỷ đồng

Lần tăng vốn	Thời điểm	VĐL sau khi tăng	Giá trị VĐL tăng thêm	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
Thành lập Doanh nghiệp	Tháng 12/2006	20	20	-	- Giấy phép thành lập và hoạt động số 51/UBCK-GPHĐKD, được cấp ngày 29/12/2006 bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4103005828 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29/12/2006;
Lần 1	Tháng 03/2009	35	15	Phát hành riêng lẻ	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/QĐ-ĐHĐCĐ-ROSE ngày 22/12/2008 thông qua việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ; - Biên bản họp ĐHĐCĐ số 01/BB-ĐHĐCĐ-ROSE ngày 22/12/2008; - Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động số 223/UBCK-GP, được cấp ngày 26/3/2009 bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
Lần 2	Tháng 02/2015	55	20	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/7/2014 về việc tăng vốn; - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 03/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/12/2014 về việc tăng vốn; - Biên bản kiểm phiếu số 01/2014/BBKP-ĐHĐCĐ ngày 19/12/2014 về việc tăng vốn; - Công văn số 7198/UBCK-QLKD ngày 29/12/2014 về việc xác nhận UBCKNN đã nhận được đủ hồ sơ đăng

Lần tăng vốn	Thời điểm	VĐL sau khi tăng	Giá trị VĐL tăng thêm	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
					ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo Giấy đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ ngày 02/12/2014 của Công ty; - Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động số 10/GPĐC-UBCK, được cấp ngày 05/02/2015 bởi UBCKNN.
Lần 3	Tháng 03/2019	155	100	Phát hành riêng lẻ	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2018 thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ năm 2018; - Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên 2018 số 01/BBĐHCĐTN18 ngày 23/4/2018; - Nghị quyết số 08/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/11/2018 thông qua việc bổ sung nội dung liên quan đến đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ đã được thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ; - Biên bản kiểm phiếu ĐHĐCĐ bất thường lần 2 năm 2018 số 10/2018/ROSE ngày 08/11/2018 về việc thông qua triển khai bổ sung một số nội dung phát hành cổ phiếu riêng lẻ; - Công văn số 1201/UBCK-QLKD ngày 22/02/2019 về việc xác nhận UBCKNN đã nhận được tài liệu báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ; - Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động số 18/GPĐC-UBCK, được cấp ngày 25/3/2019 bởi UBCKNN.

Lần tăng vốn	Thời điểm	VĐL sau khi tăng	Giá trị VĐL tăng thêm	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
Lần 4	Tháng 08/2022	1.000	845	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/01/2022 về việc thông qua Phương án tăng vốn điều lệ của Công ty; - Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản lần thứ nhất năm 2022 số 01/2022/BB-ĐHĐCĐ ngày 26/01/2022 về việc thông qua Phương án tăng vốn điều lệ của Công ty; - Công văn số 4546/UBCK-QLKD ngày 19/07/2022 về việc xác nhận UBCKNN đã nhận được tài liệu báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu; - Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động số 73/GPĐC-UBCK, được cấp ngày 08/8/2022 bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304763613 được cấp lần đầu ngày 29/12/2006 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh, sửa đổi lần thứ 14 ngày 03/3/2023.

Lần tăng vốn	Thời điểm	VĐL sau khi tăng	Giá trị VĐL tăng thêm	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
Lần 5	Tháng 08/2023	1.500	500	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 1002.2023.GSM ngày 25/04/2023 về việc thông qua Phương án tăng vốn điều lệ của Công ty; - Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 1002.2023.GSM ngày 25 tháng 4 năm 2023 về việc thông qua Phương án tăng vốn điều lệ của Công ty - Công văn số 5142/UBCK-QLKD ngày 02/08/2023 về việc xác nhận UBCNN đã nhận được tài liệu báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Công ty; - Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động số 64/GPĐC-UBCK, được cấp ngày 14/8/2023 bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304763613 được cấp lần đầu ngày 29/12/2006 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh, sửa đổi lần thứ 15 ngày 02/10/2023.

Lần tăng vốn	Thời điểm	VĐL sau khi tăng	Giá trị VĐL tăng thêm	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
Lần 6	Tháng 04/2024	2.500	1.000	Phát hành cho cổ đồng hiện hữu	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 1003.2023.GSM ngày 22/12/2023 phê duyệt điều chỉnh phương án tăng vốn góp của chủ sở hữu đã thông qua trước đó ở Nghị quyết ĐHĐCĐ số 1002.2023.GSM ngày 25/04/2023; - Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản ngày 22/12/2023 về việc thông qua điều chỉnh Phương án tăng vốn điều lệ của Công ty; - Công văn số 2319/UBCK-QLKD ngày 12/04/2024 về việc xác nhận UBCKNN đã nhận được tài liệu báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Công ty; - Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động số 25/GPĐC-UBCK, được cấp ngày 24/4/2024 bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304763613 được cấp lần đầu ngày 29/12/2006 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh, sửa đổi lần thứ 16 ngày 17/05/2024.

Lần tăng vốn	Thời điểm	VĐL sau khi tăng	Giá trị VĐL tăng thêm	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
Lần 7	Tháng 12/2024	5.000	2.500	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 1003.2024.GSM ngày 21/11/2024 về việc phê duyệt phương án tăng vốn điều lệ; - Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản số 1003.2024.GSM ngày 21/11/2024 về việc thông qua Phương án tăng vốn điều lệ của Công ty; - Công văn số 867/UBCK-QLKD ngày 19/12/2024 về việc xác nhận UBCKNN đã nhận được báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Công ty; - Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động số 97/GPĐC-UBCK, được cấp ngày 20/12/2024 bởi UBCKNN; - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304763613 được cấp lần đầu ngày 29/12/2006 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh, sửa đổi lần thứ 17 ngày 08/01/2025.
Lần 8	Tháng 10/2025	7.500	2.500	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 1003.2025.GSM ngày 26/06/2025 về việc phê duyệt phương án tăng vốn góp của chủ sở hữu; - Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản số 1003.2025.GSM ngày 26/06/2025 về việc thông qua Phương án tăng vốn điều lệ của Công ty; - Công văn số 5103/UBCK-QLKD ngày 10/09/2025 về việc xác nhận UBCKNN đã nhận được báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Công ty; - Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động số 103/GPĐC-UBCK, được cấp ngày 01/10/2025 bởi UBCKNN;



Lần tăng vốn	Thời điểm	VĐL sau khi tăng	Giá trị VĐL tăng thêm	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
					- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304763613 được cấp lần đầu ngày 29/12/2006 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh, sửa đổi lần thứ 19 ngày 21/10/2025.

Ý kiến kiểm toán về báo cáo kiểm toán vốn góp:

Báo cáo về vốn điều lệ đã góp của Công ty cho giai đoạn từ 01/01/2014 đến 30/12/2014, phát hành ngày 30/12/2014, do Công ty TNHH Kiểm Toán DTL kiểm toán với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần:

“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo vốn đầu tư của chủ sở hữu đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hoàng Gia từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/12/2014 phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài chính bổ sung, sửa đổi Thông tư số 95/2008/TT-BTC và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo vốn đầu tư chủ sở hữu”

Báo cáo về vốn điều lệ đã góp của Công ty tại ngày 31/03/2026 và cho giai đoạn từ 30/12/2014 đến 31/03/2026, phát hành ngày 24/04/2026, do Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam kiểm toán với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần:

“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo về vốn điều lệ đã góp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, vốn điều lệ đã góp tại ngày 31/03/2026 và cho giai đoạn từ ngày 30 tháng 12 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Công ty, phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập báo cáo vốn điều lệ đã góp, bao gồm Thông tư 19.”

6. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm gần nhất

Bảng 1. Cơ cấu cổ đông tại ngày 16/07/2026

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước, nước ngoài			
1	Trong nước	140	600.000.000	80,0%
1.1	Nhà nước	-	-	-
1.2	Tổ chức	04	141.637.794	18,9%
1.3	Cá nhân	136	458.362.206	61,1%
2	Nước ngoài	01	150.000.000	20%
2.1	Tổ chức nước ngoài, Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	01	150.000.000	20%
2.2	Cá nhân	-	-	-
	Tổng cộng	141	750.000.000	100%
II	Cổ đông lớn, cổ đông khác			
1	Cổ đông lớn	1	150.000.000	20%
2	Cổ đông khác	140	600.000.000	80%
	Tổng cộng	141	750.000.000	100%

Nguồn: KAFI tổng hợp

- **Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 16/07/2026:**

Bảng 2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty

STT	Tên cá nhân/ Tổ chức	Địa chỉ	Chức vụ tại công ty/ Mối quan hệ với công ty	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Gentle Sun Investments Limited	Themistokli Dervi, 5, tòa ELENION, 1066, Nicosia, Síp	Cổ đông lớn	150.000.000	20%
Tổng cộng				150.000.000	20%

Nguồn: KAFI tổng hợp

- **Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ:** Không có.

7. Hoạt động kinh doanh

Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI được thành lập năm 2006, tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Hoàng Gia. Đến năm 2022, Công ty tiến hành đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI và bắt đầu thực hiện tái cơ cấu chiến lược toàn diện với định hướng trở thành “Công ty chứng khoán bán lẻ hàng đầu tại Việt Nam về chất lượng và quy mô”. Trong giai đoạn từ 2022 – 2025, Công ty bước vào quá trình chuẩn hóa và thiết lập đồng bộ các trụ cột bao gồm: Công nghệ, sản phẩm, con người, thương hiệu và quản trị rủi ro, từ đó tạo nền móng vững chắc cho quá trình tăng trưởng về chất lượng và quy mô của KAFI.

Các hoạt động kinh doanh của KAFI bao gồm các nghiệp vụ sau:

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán; và
- Tự doanh chứng khoán.

7.1. Mạng môi giới chứng khoán

Mạng môi giới chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán (“Kinh doanh bán lẻ”) là hoạt động kinh doanh cốt lõi của KAFI, đóng vai trò tăng trưởng chiến lược phát triển dài hạn. Trọng tâm của mạng này là phục vụ Nhà đầu tư cá nhân ở quy mô lớn, tạo ra nguồn doanh thu bền vững và khả năng nhân rộng thông qua hai trụ cột: môi giới và cho vay ký quỹ.

Hoạt động môi giới

Môi giới chứng khoán là hoạt động cốt lõi trong mô hình kinh doanh bán lẻ của KAFI, đồng thời là nền tảng để phát triển các dịch vụ giá trị gia tăng khác, trong đó có cho vay giao dịch ký quỹ.

Năm 2024, Công ty triển khai chiến lược mở rộng kênh phân phối: thành lập thêm Chi nhánh và Phòng giao dịch tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh, nâng quy mô đội ngũ môi giới và đối tác kinh doanh lên gần 2.300 người. Tổng giá trị giao dịch của khách hàng trong năm đạt hơn 76.000 tỷ đồng, tương đương 3,3 lần mức thực hiện của năm 2023.

Năm 2025, Công ty chuyển trọng tâm từ mở rộng quy mô sang nâng cao chất lượng dịch vụ, thông qua đầu tư đồng thời vào hạ tầng công nghệ, năng lực đội ngũ và hệ sản phẩm nhằm gia tăng mức độ gắn kết và hiệu quả khai thác trên mỗi khách hàng. Tổng giá trị giao dịch của khách hàng đạt gần 134.000 tỷ đồng, tăng 76% so với năm 2024. Mức tăng này đến từ sự mở rộng của tệp khách hàng và tần suất giao dịch, trong điều kiện thị trường chứng khoán diễn biến thuận lợi hơn và nhu cầu đầu tư của khách hàng cá nhân gia tăng.

Trong sáu tháng đầu năm 2026, hoạt động môi giới tiếp tục duy trì đà tăng trưởng trên nền tảng hệ thống giao dịch và hoạt động cung cấp thông tin đầu tư cho khách hàng. Tổng giá trị giao dịch của khách hàng lũy kế đến ngày 30/06/2026 đạt 93.175 tỷ đồng, tăng 101% so với cùng kỳ năm 2025.

Hoạt động cho vay ký quỹ

Cho vay giao dịch ký quỹ là cấu phần nòng cốt trong mô hình bán lẻ của KAFI và là động lực chính cho tăng trưởng quy mô tài sản cũng như doanh thu hoạt động của Công ty.

Quy mô của hoạt động này phụ thuộc trực tiếp vào năng lực vốn, trong giai đoạn 2023–2025, vốn điều lệ của Công ty tăng từ 1.000 tỷ đồng lên 7.500 tỷ đồng. Nền tảng vốn được củng cố cho phép Công ty đồng thời nâng cấp hệ thống công nghệ và mở rộng hạn mức cho vay, đáp ứng nhu cầu vốn và nhu cầu giao dịch có giá trị lớn của khách hàng.

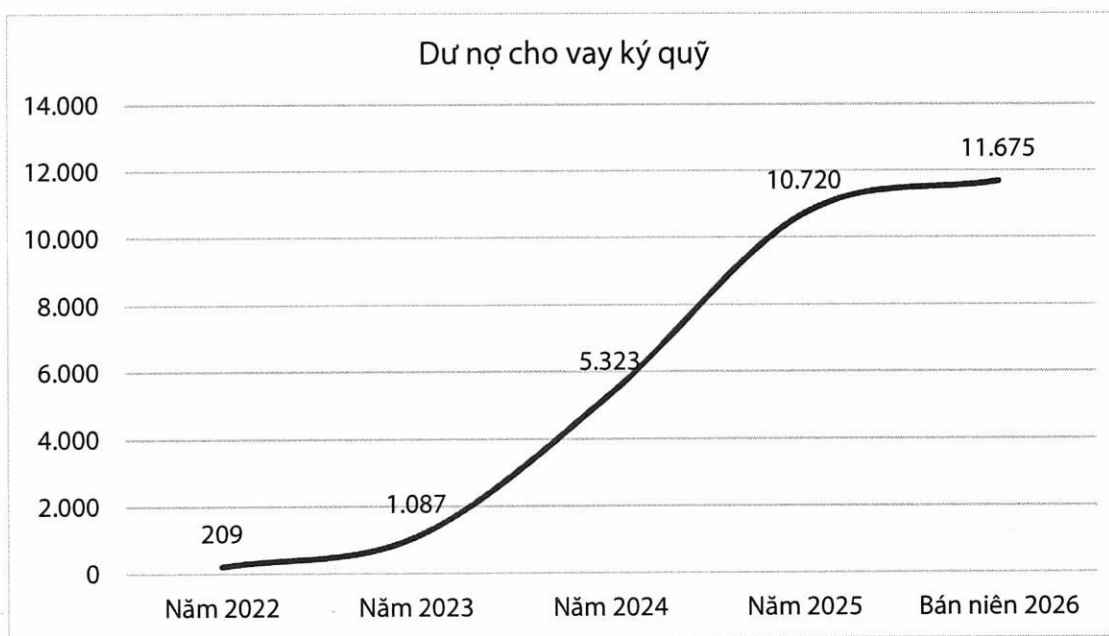
Tính đến ngày 31/12/2025, dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ đạt gần 10.720 tỷ đồng, tăng 101% so với thời điểm cuối năm 2024, tương đương 136% vốn chủ sở hữu. Tỷ lệ này phản ánh mức độ khai thác nền tảng vốn của Công ty để mở rộng quy mô phục vụ khách hàng, đồng thời được duy trì trong giới hạn tổng dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ không vượt quá 200% vốn chủ sở hữu theo quy định của pháp luật.

Trong sáu tháng đầu năm 2026, trên cơ sở năng lực điều hành thanh khoản và các hạn mức tín dụng đã được thu xếp, Công ty tiếp tục mở rộng quy mô cho vay theo nhu cầu vốn giao dịch của khách hàng và diễn biến thị trường, gắn với yêu cầu về hiệu quả sử dụng vốn và kiểm soát rủi ro. Dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ tại ngày 30/06/2026 đạt 11.675 tỷ đồng, tăng 34% so với thời điểm 30/06/2025 và tăng 8,9% so với thời điểm cuối năm 2025.

Với quy mô dư nợ và mức tăng trưởng nêu trên, cho vay ký quỹ là nguồn đóng góp chính vào doanh thu hoạt động của khối bán lẻ trong giai đoạn 2024 – sáu tháng đầu năm 2026, đồng thời là hoạt động chịu sự chi phối trực tiếp của các giới hạn an toàn tài chính áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Hình 2. Dư nợ cho vay ký quỹ giai đoạn từ 2022 – Bán niên 2026

Đơn vị: Tỷ đồng



Nguồn: KAFI

7.2. Mạng bảo lãnh phát hành chứng khoán

Dịch vụ bảo lãnh phát hành/ngân hàng đầu tư của KAFI cung cấp đa dạng các dịch vụ theo quy định tại Luật Chứng khoán như dịch vụ tư vấn hồ sơ chào bán chứng khoán; thực hiện các thủ tục trước khi chào bán chứng khoán, sáp nhập, mua bán doanh nghiệp, tư vấn quản trị; tư vấn chào bán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.

Trong năm 2025, KAFI chủ động nắm bắt cơ hội và tập trung tham gia các thương vụ phát hành trái phiếu của các doanh nghiệp uy tín, có năng lực tài chính và nhu cầu huy động vốn rõ ràng. Song song với việc gia tăng quy mô hoạt động, KAFI chú trọng nâng cao chất lượng tư vấn thông qua rà soát hồ sơ, thẩm định rủi ro, cấu trúc điều khoản và xây dựng phương án phân phối phù hợp khẩu vị nhà đầu tư; đồng thời duy trì cơ chế giám sát, đề cao nguyên tắc tuân thủ và minh bạch thông tin. Nhờ định hướng này, quy mô tư vấn năm 2025 đạt 14.850 tỷ đồng, không chỉ ghi nhận bước tiến về quy mô hoạt động mà còn góp phần củng cố vị thế thương hiệu của KAFI trên thị trường nợ Việt Nam, tạo nền tảng cho tăng trưởng bền vững trong các năm tiếp theo.

7.3. Mảng tự doanh cổ phiếu và chứng khoán phái sinh

Công ty thực hiện hoạt động tự doanh cổ phiếu và tự doanh chứng khoán phái sinh theo định hướng thận trọng, ưu tiên bảo toàn vốn, với trọng tâm là các cổ phiếu thuộc rổ VN30 - nhóm doanh nghiệp có quy mô lớn và thanh khoản cao. Việc giải ngân được thực hiện theo bộ tiêu chí nội bộ về xu hướng, định giá, thanh khoản và rủi ro; danh mục được theo dõi và đánh giá thường xuyên về hiệu quả, thanh khoản và mức độ rủi ro nhằm hạn chế tác động từ biến động ngắn hạn của thị trường.

Sau giai đoạn thị trường tài chính chịu nhiều áp lực trong năm 2022 và năm 2023, Công ty mở rộng quy mô đầu tư cổ phiếu tự doanh. Giá trị danh mục cổ phiếu tại thời điểm 31/12/2024 đạt 599 tỷ đồng và tại thời điểm 31/12/2025 đạt 1.188 tỷ đồng. Trong 6 tháng đầu năm 2026, trong bối cảnh thị trường chứng khoán có nhiều biến động, Công ty đã chủ động điều chỉnh giảm quy mô danh mục đầu tư. Cơ cấu danh mục tập trung vào các cổ phiếu niêm yết có quy mô vốn hóa lớn và thanh khoản cao, phù hợp với định hướng đầu tư nêu trên.

7.4. Mảng phát hành chứng quyền có bảo đảm

Trong Quý 4/2025, Công ty thực hiện đợt phát hành chứng quyền có bảo đảm đầu tiên với 22 mã chứng quyền dựa trên 11 cổ phiếu cơ sở. Đợt phát hành này đánh dấu việc Công ty chuyển từ giai đoạn xây dựng năng lực sản phẩm sang triển khai thương mại, trên cơ sở tổ chức đồng bộ các khâu cấu trúc sản phẩm, định giá, phân phối và tạo lập thanh khoản cho chứng quyền.

Trong tháng 06/2026, Công ty triển khai đợt phát hành thứ hai với 30 mã chứng quyền dựa trên 15 cổ phiếu cơ sở, mở rộng quy mô và độ đa dạng của rổ cổ phiếu cơ sở so với đợt đầu tiên. Tính đến ngày 30/06/2026, khối lượng chứng quyền đang lưu hành tương đương khoảng 59% tổng khối lượng chứng quyền đã phát hành.

Định hướng phát triển mảng chứng quyền có bảo đảm của Công ty trong giai đoạn tới tập trung vào mở rộng danh mục phát hành, nâng cao năng lực tạo lập thị trường và kiểm soát rủi ro đối với danh mục chứng quyền, tài sản cơ sở và các vị thế liên quan theo quy định của pháp luật về chứng quyền có bảo đảm.

7.5. Tình hình tranh chấp/kiện tụng

Về tình hình tranh chấp/kiện tụng, Công ty không có bất kỳ tranh chấp hay kiện tụng nào ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh thông thường cho đến thời điểm hiện tại.

8. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

8.1. Về tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh

Với đặc thù của thị trường chứng khoán, hoạt động kinh doanh của Công ty không có tính thời vụ. Nhiều yếu tố ảnh hưởng đến thị trường chứng khoán và theo đó tác động đến hoạt

động của Công ty như các yếu tố kinh tế vĩ mô trong nước và quốc tế, tình hình chính trị - xã hội, chính sách tài khóa và tiền tệ của chính phủ, kết quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, tâm lý nhà đầu tư.

8.2. Kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng 3. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty giai đoạn 2024 – 6T.2026

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% chênh lệch năm	Lũy kế 6 tháng đầu năm 2026
Doanh thu hoạt động	957.273	2.841.615	196,84%	2.023.686
Chi phí hoạt động	286.937	1.455.526	407,26%	923.285
Doanh thu tài chính	13.974	34.714	148,42%	29.258
Chi phí tài chính	311.477	767.831	146,51%	618.057
Chi phí quản lý	116.002	197.299	70,08%	141.888
Kết quả hoạt động	256.831	455.673	77,42%	369.714
Kết quả hoạt động khác	(169)	1.871	-	(57)
Lợi nhuận trước thuế	256.662	457.544	78,27%	369.658
Lợi nhuận sau thuế	203.453	364.683	79,25%	294.575

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, năm 2025 và BCTC soát xét bán niên 2026 của KAFI.

Năm 2025, doanh thu hoạt động đạt 2.842 tỷ đồng, gấp gần 3 lần so với cả năm 2024 (957 tỷ đồng) và gấp gần 6 lần so với năm 2023 (485 tỷ đồng). Mức tăng này chủ yếu đến từ việc Công ty sử dụng nguồn vốn được bổ sung sau các đợt tăng vốn điều lệ để mở rộng hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ và tự doanh chứng khoán, song song với việc phát triển mạng lưới khách hàng nhằm nắm bắt cơ hội từ thanh khoản thị trường sôi động. Tương ứng với đà mở rộng quy mô, chi phí hoạt động tăng 407,26% và chi phí tài chính tăng 146,51%, phù hợp với việc gia tăng quy mô dư nợ cho vay ký quỹ và danh mục tự doanh. Ngược lại, chi phí quản lý tăng 70,08%, thấp hơn đáng kể so với tốc độ tăng của doanh thu, cho thấy Công ty

duy trì được hiệu quả về chi phí vận hành và đòn bẩy hoạt động khi mở rộng quy mô. Nhờ đó, kết quả hoạt động đạt 456 tỷ đồng (tăng 77,42%), lợi nhuận trước thuế đạt 457 tỷ đồng (tăng 78,27%) và lợi nhuận sau thuế đạt 365 tỷ đồng (tăng 79,25%) so với năm 2024.

Trong 6 tháng đầu năm 2026, đà tăng trưởng tiếp tục được duy trì mạnh mẽ. Doanh thu hoạt động đạt 2.024 tỷ đồng, tăng 104,1% so với cùng kỳ năm 2025, và tương đương 71,2% doanh thu thuần của cả năm 2025. Lợi nhuận trước thuế đạt 370 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 295 tỷ đồng, tăng lần lượt 155,2% và 154,4% so với cùng kỳ, tương đương 80,8% mức thực hiện của cả năm 2025.

Bảng 4. Cơ cấu doanh thu hoạt động theo từng nghiệp vụ của Công ty giai đoạn 2024 – bán niên 2026

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Tỷ trọng	Năm 2025	Tỷ trọng	% tăng/giảm 2025/2024	Lũy kế 6 tháng đầu năm 2026	Tỷ trọng
Hoạt động tự doanh chứng khoán (*)	606.760	63,38%	1.899.894	66,86%	213,1%	1.395.867	68,98%
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	260.244	27,19%	775.912	27,31%	198,1%	547.606	27,06%
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	87.572	9,15%	158.869	5,59%	81,4%	76.608	3,79%
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	2.216	0,23%	5.174	0,18%	133,4%	2.841	0,14%
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	300	0,03%	770	0,03%	156,7%	300	0,01%

Chỉ tiêu	Năm 2024	Tỷ trọng	Năm 2025	Tỷ trọng	% tăng/giảm 2025/2024	Lũy kế 6 tháng đầu năm 2026	Tỷ trọng
Thu nhập hoạt động khác	182	0,02%	997	0,04%	448,2%	465	0,02%
Tổng	957.273	100%	2.841.615	100%	196,8%	2.023.686	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, năm 2025 và BCTC soát xét bán niên 2026 của KAFI.

Bảng 5. Cơ cấu chi phí hoạt động theo từng nghiệp vụ của Công ty giai đoạn 2024 – bán niên 2026

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Tỷ trọng (%)	Năm 2025	Tỷ trọng (%)	% tăng/giảm 2025/2024	Lũy kế 6 tháng đầu năm 2026	Tỷ trọng (%)
Tự doanh chứng khoán	128.754	44,87%	1.196.961	82,24%	829,6%	763.091	82,65%
Chi phí đi vay của các khoản cho vay	60.318	21,02%	81.715	5,61%	35,5%	59.484	6,44%
Môi giới chứng khoán	95.296	33,21%	167.096	11,48%	75,3%	93.401	10,12%
Lưu ký chứng khoán	2.569	0,90%	9.754,269 9	0,67%	279,7%	7.308	0,79%
Tổng	286.937	100%	1.455.526	100%	407,3%	923.285	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, năm 2025 và BCTC soát xét bán niên 2026 của Công ty

Bảng 6. Cơ cấu lợi nhuận gộp theo các mảng hoạt động kinh doanh chính

ĐVT: triệu đồng

ST T	Lợi nhuận gộp theo các mảng hoạt động	Năm 2024	Tỷ lệ (%)	Năm 2025	Tỷ lệ (%)	% tăng/giảm 2025/2024	Lũy kế đến Quý 2/2026	Tỷ lệ (%)
1	Hoạt động tự doanh chứng khoán (*)	478.006	71,31%	702.934	50,71%	47,1%	632.775	57,50%
2	Hoạt động cho vay và phải thu	199.926	29,82%	694.197	50,08%	247,2%	488.121	44,36%
3	Nghiệp vụ môi giới chứng khoán	(7.724)	-1,15%	(8.228)	-0,59%	-6,5%	(16.793)	-1,53%
4	Nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	(353)	-0,05%	(4.580)	-0,33%	-1197,5%	(4.467)	-0,41%
5	Hoạt động tư vấn tài chính	300	0,04%	770	0,06%	156,7%	300	0,03%
6	Hoạt động khác	182	0,03%	997	0,07%	448,2%	465	0,04%
	Tổng	670.337	100%	1.386.090	100%	106,8%	1.100.401	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, năm 2025 và BCTC soát xét bán niên 2026 của KAFI.

Xét trên tỷ trọng đóng góp vào doanh thu hoạt động, nghiệp vụ tự doanh chiếm tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu và tiếp tục tăng, từ 63,38% năm 2024 lên 66,86% năm 2025 và 68,98% trong 6 tháng đầu năm 2026. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu đứng thứ hai, duy trì ổn định quanh mức 27% qua cả ba kỳ, lần lượt là 27,19%, 27,31% và 27,06%. Ở chiều

ngược lại, mảng môi giới và lưu ký chứng khoán giảm đóng góp từ mức 9,38% năm 2024 xuống 5,77% năm 2025 và 3,93% trong 6 tháng đầu năm 2026.

Tổng lợi nhuận gộp năm 2025 đạt 1.386 tỷ đồng, gấp hơn hai lần năm 2024 (670 tỷ đồng); riêng 6 tháng đầu năm 2026 đã đạt 1.100 tỷ đồng, tương đương gần 80% cả năm 2025. Cơ cấu lợi nhuận gộp dịch chuyển theo hướng tăng tỷ trọng của cho vay và phải thu (từ 29,8% năm 2024 lên 50,1% năm 2025 và 44,4% nửa đầu năm 2026), đồng thời giảm tỷ trọng của tự doanh (từ 71,3% xuống 50,7% và 57,5%). Sự gia tăng đóng góp của mảng cho vay giao dịch ký quỹ đến từ việc Công ty mở rộng nền tảng khách hàng và thị phần giao dịch, cùng nguồn vốn chủ sở hữu được bổ sung qua các đợt tăng vốn, tạo dư địa mở rộng dư nợ cho vay ký quỹ.

9. Vị thế của Công ty trong ngành

9.1. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

Năng lực tài chính

Tại ngày 30/06/2026, vốn điều lệ của Công ty đạt 7.500 tỷ đồng và tổng tài sản đạt 26.112 tỷ đồng. Với quy mô vốn điều lệ này, Công ty được cấp phép thực hiện đầy đủ các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 51/UBCK-GPHĐKD và các Giấy phép điều chỉnh, gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán; đồng thời được cấp phép kinh doanh chứng khoán phái sinh và cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh.

Thị phần môi giới

Công ty triển khai chiến lược bán lẻ trên nền tảng số, tập trung vào phân khúc nhà đầu tư cá nhân, khác với định hướng của một số công ty chứng khoán ưu tiên khách hàng tổ chức và khách hàng cá nhân có giá trị tài sản lớn.

Số lượng tài khoản giao dịch của khách hàng tại ngày 31/12/2025 đạt 270.903 tài khoản, tăng 863% so với thời điểm 31/12/2024. Tổng giá trị giao dịch của khách hàng qua các năm liên tục tăng trưởng, lũy kế đến ngày 30/06/2026 đạt 93.175 tỷ đồng, tăng 101% so với cùng kỳ năm 2025 (*Nguồn: KAFI tổng hợp*).

Mạng lưới hoạt động

Công ty có trụ sở chính tại TP. Hồ Chí Minh, 01 (một) chi nhánh tại Hà Nội và 02 (hai) phòng giao dịch tại TP. Hồ Chí Minh. Phù hợp với định hướng bán lẻ trên nền tảng số, Công ty phục vụ khách hàng trên toàn quốc chủ yếu qua các kênh giao dịch trực tuyến thay vì mở rộng mạng lưới điểm giao dịch trực tiếp.

Hệ thống công nghệ thông tin

Hệ thống giao dịch của Công ty được cập nhật để đáp ứng các sản phẩm mới của thị trường và các thay đổi về hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán. Ứng dụng Kafi X là kênh giao dịch trực tuyến chính hiện đại và chuyên nghiệp dành cho khách hàng cá nhân. Công ty đầu tư hạ tầng công nghệ và các biện pháp bảo mật thông tin nhằm duy trì tính ổn định của hệ thống trong các giai đoạn khối lượng giao dịch tăng cao.

Đội ngũ nhân sự

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty là các thành viên có nhiều năm kinh nghiệm, am hiểu sâu về thị trường tài chính và chứng khoán Việt Nam. Bên cạnh đó, KAFI sở hữu đội ngũ hơn 370 nhân sự, là sự kết hợp hài hòa giữa các chuyên gia giàu năng lực, kinh nghiệm thực tiễn và đội ngũ nhân sự trẻ được đào tạo bài bản, năng động, nhiệt huyết và có định hướng phát triển lâu dài trong lĩnh vực tài chính – chứng khoán.

9.2. Triển vọng phát triển của ngành

Quốc hội đặt mục tiêu cho giai đoạn 2026–2030 gồm nâng hạng thị trường chứng khoán, mở rộng quy mô thị trường trái phiếu doanh nghiệp lên 25% GDP và vận hành trung tâm tài chính quốc tế, qua đó xác lập dư địa tăng trưởng dài hạn cho các tổ chức trung gian trên thị trường vốn. Trong định hướng này, việc nâng hạng thị trường là dấu mốc đã được xác lập: ngày 07/10/2025, FTSE Russell công bố Báo cáo Phân loại Quốc gia Cổ phiếu, theo đó thị trường chứng khoán Việt Nam được nâng hạng từ Thị trường Cận biên lên Thị trường Mới nổi Thứ cấp với ngày hiệu lực dự kiến là thứ Hai, ngày 21/09/2026. Ngày 08/04/2026, FTSE Russell công bố kết quả rà soát giữa kỳ thuộc kỳ đánh giá tháng 3/2026 và xác nhận giữ nguyên lộ trình đã công bố, theo đó việc đưa cổ phiếu Việt Nam vào các bộ chỉ số toàn cầu được thực hiện theo nhiều đợt, bắt đầu từ tháng 9/2026 và hoàn tất vào tháng 9/2027.

Đối với các công ty chứng khoán, việc nâng hạng làm phát sinh yêu cầu về năng lực phục vụ nhà đầu tư tổ chức nước ngoài, bao gồm hạ tầng giao dịch theo mô hình môi giới toàn cầu và cơ chế giao dịch không yêu cầu ký quỹ trước được quy định tại Thông tư 08/2026/TT-BTC. Đây là các yêu cầu đòi hỏi đầu tư đồng thời về công nghệ, quy trình vận hành và năng lực vốn.

Ở hoạt động môi giới chứng khoán, quy mô nhà đầu tư tiếp tục mở rộng. Theo số liệu của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, tại ngày 30/06/2026 thị trường có 13.430.517 tài khoản giao dịch chứng khoán, trong đó nhà đầu tư trong nước chiếm hơn 99,6%; riêng trong sáu tháng đầu năm 2026, số lượng tài khoản tăng thêm khoảng 1,56 triệu tài khoản, bình quân khoảng 260.000 tài khoản mỗi tháng. Số lượng tài khoản của nhà đầu tư cá nhân tương đương khoảng 13% dân số, đã vượt mục tiêu 11 triệu tài khoản vào năm 2030 theo Chiến lược phát triển thị trường chứng khoán được Chính phủ phê duyệt. Tuy nhiên, số lượng tài khoản tăng không đồng pha với thanh khoản: giá trị giao dịch bình quân mỗi phiên trong sáu tháng đầu năm 2026 đạt khoảng 29.314,7 tỷ đồng, tương đương mức bình quân của năm 2025, và riêng tháng 6/2026 giá trị giao dịch bình quân trên HOSE giảm 24,34% so với tháng trước. Doanh thu môi giới của ngành do đó phụ thuộc vào diễn biến

thanh khoản hơn là vào số lượng tài khoản. Cùng với đó, mức độ tập trung thị phần môi giới đang giảm, tổng thị phần giá trị giao dịch môi giới của mười công ty chứng khoán lớn nhất trên HOSE giảm từ khoảng 69,05% trong Quý 1/2026 xuống 65,19% trong Quý 2/2026, cho thấy thị phần dịch chuyển sang nhóm công ty ngoài mười công ty dẫn đầu (Nguồn: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh).

Ở hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ, dư nợ toàn ngành tại ngày 30/06/2026 đạt khoảng 435.000 tỷ đồng, tăng khoảng 43.000 tỷ đồng so với mức khoảng 392.000 tỷ đồng tại thời điểm cuối năm 2025 và là mức cao nhất từ khi thị trường chứng khoán Việt Nam đi vào hoạt động; nếu tính cả ứng trước tiền bán, tổng dư nợ cho vay đạt khoảng 445.000 tỷ đồng. Toàn ngành có 16 công ty chứng khoán ghi nhận dư nợ cho vay vượt 10.000 tỷ đồng, và doanh thu từ hoạt động cho vay của ngành trong Quý 2/2026 đạt khoảng 12.200 tỷ đồng, tăng 64% so với cùng kỳ năm 2025. Với dư nợ 11.675 tỷ đồng tại cùng thời điểm, Công ty chiếm khoảng 2,7% dư nợ cho vay ký quỹ toàn ngành. (Nguồn: Quyết định số 1726/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 phê duyệt Chiến lược phát triển thị trường chứng khoán đến năm 2030 của Thủ tướng Chính phủ).

Ở hoạt động ngân hàng đầu tư, quy mô huy động vốn của doanh nghiệp tạo dư địa cho các dịch vụ tư vấn và bảo lãnh phát hành. Trong sáu tháng đầu năm 2026, giá trị phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ đạt 187.915 tỷ đồng và phát hành ra công chúng đạt 24.833 tỷ đồng (Nguồn: Dữ liệu do Hiệp hội trái phiếu Việt Nam VBMA tổng hợp từ HNX và SSC). Ở kênh cổ phiếu, theo kế hoạch phát hành đã được đại hội đồng cổ đông năm 2026 của các doanh nghiệp niêm yết thông qua, tổng giá trị dự kiến huy động qua phát hành cổ phần và chào bán lần đầu ra công chúng trong năm 2026 khoảng 289.500 tỷ đồng, trong đó phần lớn chưa được triển khai tại thời điểm giữa năm. Đối với nhóm sản phẩm mới, tại ngày 30/06/2026 HOSE có 257 mã chứng quyền có bảo đảm đang niêm yết và giao dịch (Nguồn: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh); cùng với chứng khoán phái sinh, đây là nhóm sản phẩm mà số lượng công ty chứng khoán tham gia còn hạn chế do yêu cầu về vốn, hệ thống định giá và năng lực tạo lập thị trường.

Về đặc điểm cạnh tranh, năm 2025 tổng tài sản của các công ty chứng khoán vượt 900.000 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế toàn ngành đạt khoảng 39.600 tỷ đồng, tăng 67% so với năm 2024 (Nguồn: KAFI tổng hợp từ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025 của các Công ty chứng khoán). Bước sang năm 2026, ngành tiếp tục ghi nhận làn sóng tăng vốn điều lệ, trong đó riêng nhóm 14 công ty chứng khoán có kế hoạch nâng tổng vốn điều lệ từ 134.860 tỷ đồng lên khoảng 171.700 tỷ đồng, tương ứng bổ sung khoảng 36.840 tỷ đồng, tăng hơn 27% (Nguồn: KAFI tổng hợp từ phương án tăng vốn đã được ĐHĐCĐ năm 2026 của các Công ty chứng khoán thông qua); quy định tại Thông tư 102/2025/TT-BTC ngày 29/10/2025 về nâng hệ số rủi ro cũng làm gia tăng yêu cầu bổ sung vốn khả dụng của các công ty chứng khoán. Song song đó, cạnh tranh trong hoạt động môi giới chuyển dịch từ cạnh tranh về mức phí sang cạnh tranh về chất lượng nền tảng giao dịch, tốc độ xử lý lệnh và mức độ cá nhân hóa dịch vụ; chính sách miễn, giảm phí được nhiều công ty áp dụng làm thu hẹp biên lợi nhuận

của hoạt động môi giới, dẫn tới việc các công ty mở rộng nguồn thu sang cho vay giao dịch ký quỹ, tự doanh, quản lý tài sản và ngân hàng đầu tư, trong khi mặt bằng lãi suất huy động tăng làm chi phí vốn của ngành cao hơn so với giai đoạn 2023–2025. Từ các đặc điểm trên, năng lực vốn, hạ tầng công nghệ và chất lượng quản trị rủi ro là ba yếu tố quyết định khả năng mở rộng quy mô và duy trì thị phần của một công ty chứng khoán trong giai đoạn tới.

10. Chính sách đối với người lao động

KAFI xác định chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng, quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững của Công ty. Vì vậy, việc xây dựng đội ngũ nhân sự có năng lực chuyên môn, tác phong chuyên nghiệp, phù hợp với giá trị văn hóa và định hướng phát triển luôn được KAFI ưu tiên trong chiến lược nhân sự.

10.1. Số lượng người lao động trong Công ty

Tính đến hết Quý 2 năm 2026, KAFI có hơn 370 nhân sự, gấp khoảng 4 lần so với 2021, tập trung tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh. Đội ngũ nhân sự của Công ty có cơ cấu trẻ và được đào tạo đúng yêu cầu chuyên môn, trong đó khoảng 70% nhân sự dưới 35 tuổi và 100% có trình độ từ đại học trở lên.

KAFI coi nguồn nhân lực là một trong những nền tảng quan trọng đối với sự phát triển bền vững của Công ty. Theo đó, Công ty chú trọng xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, hợp tác, sáng tạo và nâng cao hiệu quả công việc. Người lao động được hưởng các chế độ, chính sách phúc lợi theo quy định của Công ty; đồng thời được tạo điều kiện nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phát triển toàn diện về nghề nghiệp, văn hóa và tinh thần.

10.2. Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Hoạt động tuyển dụng của Công ty được thực hiện trên cơ sở nhu cầu nhân sự, yêu cầu của từng vị trí công việc và định hướng phát triển trong từng thời kỳ. KAFI ưu tiên tuyển dụng nhân sự có năng lực chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp và phẩm chất phù hợp; đồng thời khuyến khích người lao động thường xuyên nâng cao kiến thức, kỹ năng và năng lực thực hiện công việc.

KAFI chủ động hợp tác với các trường đại học và cơ sở đào tạo có uy tín trong việc đào tạo nguồn nhân lực về tài chính – chứng khoán. Phòng Nhân sự phối hợp với các đơn vị chuyên môn, chuyên gia của Công ty và các cơ sở đào tạo để xây dựng, triển khai các chương trình đào tạo, thực tập và phát triển nghề nghiệp phù hợp với định hướng hoạt động của Công ty.

Thông qua các hoạt động tuyển dụng, đào tạo và hợp tác phát triển nguồn nhân lực, KAFI hướng tới xây dựng đội ngũ nhân sự được đào tạo bài bản, có kiến thức chuyên môn và hiểu biết về các nghiệp vụ đặc thù trong lĩnh vực chứng khoán.

10.3. Chính sách tiền lương thưởng, trợ cấp

KAFI thực hiện chi trả tiền lương cho người lao động căn cứ theo chức danh, tính chất công việc, năng lực và kết quả thực hiện công việc, phù hợp với Quy chế tiền lương của Công ty và các quy định pháp luật hiện hành. Việc chi trả tiền lương được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, hướng tới bảo đảm thu nhập và chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của người lao động.

Bên cạnh chính sách tiền lương, Công ty áp dụng các chính sách thưởng, trợ cấp và phúc lợi phù hợp với kết quả hoạt động kinh doanh, hiệu quả công việc và quy định nội bộ trong từng thời kỳ.

KAFI thường xuyên tổ chức các chương trình thi đua, khen thưởng và hoạt động gắn kết theo tháng, quý hoặc năm nhằm khuyến khích tinh thần làm việc, nâng cao hiệu quả kinh doanh và tăng cường sự gắn kết của người lao động.

10.4. Chính sách phát hành cổ phiếu cho người lao động

Nội dung Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động theo phê duyệt của ĐHĐCĐ, HĐQT từng thời kỳ.

11. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty đã được ĐHĐCĐ thông qua, chính sách phân phối cổ tức do HĐQT đề xuất và ĐHĐCĐ quyết định như sau:

- Công ty chỉ được chi trả cho cổ đông khi công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
- Cổ đông được chia cổ tức tương đương với số cổ phần nắm giữ và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quyết định của ĐHĐCĐ;
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được ĐHĐCĐ quyết định dựa trên đề xuất của HĐQT, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Về việc chi trả cổ tức trong năm gần nhất và tính đến hết quý II/2026:

Năm tài chính	Tỷ lệ cổ tức	Số tiền (Triệu đồng)	Cơ sở phê duyệt	Tình trạng thực hiện
2023	4% vốn điều lệ; bằng tiền	60.000	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên ngày 09/4/2024; - Nghị quyết HĐQT số 0248.2024.BOD(1) ngày 10/4/2024; - Quyết định Chủ tịch HĐQT số	Đã hoàn tất chi trả vào ngày 22/05/2024.

Năm tài chính	Tỷ lệ cổ tức	Số tiền (Triệu đồng)	Cơ sở phê duyệt	Tình trạng thực hiện
			0952.2024.BOD ngày 22/4/2024.	
2024	4,5% vốn điều lệ; bằng tiền	225.000	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên ngày 31/03/2025; - Nghị quyết HĐQT số 0246.2025.BOD ngày 31/3/2025; - Quyết định Chủ tịch HĐQT số 0246.2025.BOD ngày 10/4/2025.	Đã hoàn tất chi trả vào ngày 12/05/2025.
2025	-	-	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên ngày 09/04/2026.	Toàn bộ lợi nhuận sau thuế năm 2025 được giữ lại để tăng cường năng lực tài chính và bổ sung nguồn vốn cho các hoạt động kinh doanh.
2026 (kế hoạch)	Tối đa 12% vốn điều lệ; bằng tiền và/hoặc cổ phần	-	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên ngày 09/04/2026.	Chưa thực hiện tại ngày lập Bản CBTT này.

12. Tình hình tài chính trong năm gần nhất và đến quý gần nhất

12.1 Tình hình công nợ

Tính đến 30/06/2026, căn cứ trên BCTC soát xét bán niên của Công ty, tổng số nợ phải thu là 332.609 triệu đồng, tổng số nợ phải trả là 17.873.921 triệu đồng. Chi tiết các khoản phải thu, phải trả như sau:

- **Tình hình công nợ phải thu:**

Bảng 7. Tình hình phải thu các năm 2024 – bán niên 2026

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	127.692	275.923	332.609
1	Phải thu bán các tài sản tài chính	-	64.074	47.602
2	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	123.523	190.010	248.973
3	Trả trước cho người bán	3.619	6.117	693
4	Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	542	1.321	1.223
5	Các khoản phải thu khác	8	14.401	34.119
6	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	-	-	-
II	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC soát xét bán niên 2026 của KAFI.

- **Tình hình công nợ phải trả:**

Bảng 8. Tình hình nợ phải trả năm 2024 – bán niên 2026

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
I	Nợ ngắn hạn	10.775.770	18.259.857	17.828.210
1	Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn (*)	10.474.141	17.537.559	17.416.159

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
2	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	3.166	33.935	63.130
3	Phải trả người bán ngắn hạn	559	369.006	32.881
5	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	70.815	124.094	40.424
6	Phải trả người lao động	7.919	6	11.750
7	Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	-	486	584
8	Chi phí phải trả ngắn hạn	44.165	60.561	100.794
9	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn	175.005	134.211	162.489
II	Nợ dài hạn	7.328	-	45.711
1	Thuế TNDN hoãn lại phải trả	7.328	-	45.711

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC soát xét bán niên 2026 của KAFI.

(*) Chi tiết về khoản mục vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn như sau:

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
A	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	10.474.141	17.537.559	17.416.159
I	Vay thấu chi	-	360.000	30.000
II	Vay ngắn hạn	10.474.141	17.177.559	17.386.159
1	Vay ngân hàng và các tổ chức tài chính	6.314.900	13.338.531	14.948.698
-	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1.468.000	2.473.000	3.236.000

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
-	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	1.497.000	1.500.000	1.125.000
-	Các ngân hàng, tổ chức tài chính khác	3.349.900	9.365.531	10.587.698
2	Vay khác	4.159.241	3.839.029	2.437.461

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, năm 2025 và BCTC soát xét bán niên 2026 của KAFI.

- Thanh toán các khoản nợ

Các khoản nợ của Công ty đều được thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong những năm qua. Các nghĩa vụ nợ khác như: phải trả người bán, phải trả công nhân viên và các khoản phải trả, phải nộp khác đã được Công ty thanh toán đúng hạn và đầy đủ.

12.2 Các khoản phải nộp theo luật định

Bảng 9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước năm 2025

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	Phát sinh trong năm 2025		31/12/2025
	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải nộp
Thuế TNDN	61.036	107.995	(61.036)	107.995
Thuế GTGT	3	288	(100)	191
Thuế TNCN nộp hộ NĐT	8.153	108.252	(102.582)	13.823
Thuế TNCN nộp hộ nhân viên	1.607	28.371	(27.893)	2.085
Thuế nhà thầu	16	1.731	(1.747)	-
Thuế môn bài, phí và lệ phí khác	-	17	(17)	-

Nguồn: BCTC năm 2025 được kiểm toán

Bảng 10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước bán niên 2026

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2025	Phát sinh trong năm 2026		30/06/2026
	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải nộp
Thuế TNDN	107.995	29.519	(109.190)	28.324
Thuế GTGT	191	113	(281)	23
Thuế TNCN nộp hộ NĐT	13.823	49.456	(54.127)	9.152
Thuế TNCN nộp hộ nhân viên	2.085	12.952	(12.112)	2.926
Thuế nhà thầu	-	868	(868)	-
Thuế môn bài, phí và lệ phí khác	-	6	(6)	-

Nguồn: BCTC soát xét bán niên 2026 của KAFI.

Đến thời điểm hiện tại, Công ty thực hiện kê khai, nộp đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thuế và các khoản nộp theo quy định.

12.3 Trích lập quỹ

Việc trích lập các quỹ được Công ty thực hiện và tuân thủ theo nghị quyết của ĐHĐCĐ hàng năm và Điều lệ của Công ty.

Bảng 11. Số dư các quỹ

Đơn vị: Triệu đồng

Quỹ	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Quỹ Đầu tư Phát triển	-	-	-
Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi	-	-	-
Tổng cộng	-	-	-

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, năm 2025 và BCTC soát xét bán niên 2026 của KAFI.

12.4 Những sự kiện có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính 2025

Không có

12.5 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 12. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026	Ghi chú
1. Tổng tài sản	16.054.931	26.131.468	26.111.826	-
2. Nợ phải trả	10.783.098	18.259.857	17.873.921	-
3. Vốn chủ sở hữu	5.271.833	7.871.610	8.237.905	-
4. Doanh thu hoạt động	957.273	2.841.615	2.023.686	-
5. Lợi nhuận sau thuế	203.453	364.683	294.575	-

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, năm 2025 và BCTC soát xét bán niên 2026 của KAFI.

Trong giai đoạn từ năm 2024 đến Quý 2/2026, Công ty ghi nhận sự tăng trưởng cả về quy mô tài sản và doanh thu, phản ánh chiến lược mở rộng thị phần môi giới và tăng trưởng dư nợ cho vay một cách bài bản. Tuy nhiên, tương tự như xu hướng chung của ngành, biên lợi nhuận đang chịu áp lực nhất định, đặt ra yêu cầu tối ưu hóa chi phí vốn và nâng cao hiệu quả hoạt động tự doanh.

Về Quy mô tài sản và Cơ cấu nguồn vốn

Bảng 13. Quy mô tài sản của Công ty từ năm 2024 – bán niên 2026

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
A	Tài sản ngắn hạn	15.979.411	25.992.032	25.987.783
I	Tài sản tài chính	15.971.043	25.974.667	25.964.317
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	943.854	1.624.954	613.196

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
2	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	8.879.977	8.100.191	9.866.759
3	Các khoản cho vay	5.359.626	10.882.872	11.701.821
4	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	659.893	5.090.728	3.449.932
5	Các khoản phải thu	123.523	254.084	296.575
6	Trả trước cho người bán	3.619	6.117	693
7	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	542	1.321	1.223
8	Các khoản phải thu khác	8	14.401	34.119
II	Tài sản ngắn hạn khác	8.368	17.366	23.466
1	Tạm ứng	991	5.332	6.313
2	Chi phí trả trước ngắn hạn	7.377	11.792	17.153
3	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	240	-
4	Tài sản ngắn hạn khác	-	2	-
B	Tài sản dài hạn	75.520	139.436	124.043
I	Tài sản cố định	38.775	64.598	66.414
II	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	6.859	5.272	1.965
III	Tài sản dài hạn khác	29.885	69.566	55.665

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, năm 2025 và BCTC soát xét bán niên 2026 của KAFI.

Tổng tài sản: Tính đến cuối quý II/2026, tổng tài sản của Công ty đạt 26.112 tỷ đồng, tăng gấp gần 4 lần so với năm 2023 (6.528 tỷ đồng). Sự tăng trưởng tổng tài sản này chủ yếu đến từ việc mở rộng danh mục các tài sản tài chính (tự doanh) và dư nợ cho vay ký quỹ nhằm phục vụ cho quy mô kinh doanh mở rộng.

Cơ cấu vốn: Nợ phải trả chiếm khoảng 68% tổng tài sản (17.874 tỷ đồng trên 26.112 tỷ đồng). Mặc dù quy mô nợ vay tăng mạnh để bổ sung nguồn vốn kinh doanh, Vốn chủ sở hữu cũng ghi nhận mức tăng trưởng vượt bậc, từ 1.634 tỷ đồng (2023) lên 8.238 tỷ đồng (30/06/2026). Điều này cho thấy Công ty đã thực hiện các đợt tăng vốn thành công, giúp cải thiện năng lực tài chính và đảm bảo các chỉ số an toàn vốn theo quy định.

13. Tài sản cố định

Bảng 14. Tài sản cố định

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		30/06/2026	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	29.289	20.145	48.686	33.308	53.247	33.880
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	2.903	1.931	2.903	963	2.903	479
2	Thiết bị văn phòng	26.386	18.214	45.783	32.345	50.343	33.401
II	Tài sản cố định vô hình	33.430	18.631	51.639	31.290	56.902	32.534
1	Phần mềm máy tính	30.159	16.805	48.053	29.624	53.316	31.134
2	Bản quyền	2.653	1.376	2.667	1.065	2.667	890
3	Khác	618	450	919	602	919	510
	Tổng cộng	62.719	38.775	100.325	64.598	110.149	66.414

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC soát xét bán niên 2026 của KAFI.

14. Các dự án của Công ty

Công ty hiện tại đang không thực hiện dự án nào.

15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Bảng 15. Kế hoạch lợi nhuận, cổ tức năm 2026

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2026	Thực hiện năm 2025	Thay đổi/% tăng trưởng so với năm 2025
Tổng tài sản	35.000	26.131	34%
Vốn điều lệ	8.787,5	7.500	17,17%
Lợi nhuận trước thuế	1.050	458	129%
Doanh thu thuần	6.462	2.842	127,4%
Lợi nhuận sau thuế	840	365	130,3%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	13,0%	12,8%	0,2%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	9,4%	5,6%	3,8%
Tỷ lệ cổ tức	Tối đa 12% vốn điều lệ, bằng tiền mặt và/hoặc cổ phần	0% - Không phân phối lợi nhuận năm 2025	-

Nguồn:

- Các chỉ tiêu về Tổng tài sản, Vốn điều lệ, Lợi nhuận trước thuế, Tỷ lệ cổ tức trong năm 2026 được ĐHĐCĐ thông qua theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 1001.2026.GSM ngày 09/04/2026

- Các chỉ tiêu về Doanh thu thuần, Lợi nhuận sau thuế trong năm 2026 được HĐQT thông qua theo Nghị quyết HĐQT số 9842.2026.BOD ngày 17/08/2026.

- Kế hoạch tăng Vốn điều lệ từ 7.500 tỷ đồng lên 8.787,5 tỷ đồng trong năm 2026: Công ty đang triển khai kế hoạch tăng vốn và dự kiến hoàn tất trong năm 2026, trong đó, chào bán thêm ra công chúng là 1.250 tỷ đồng với giá tối thiểu là 15.000 VNĐ/cổ phiếu và phát hành ESOP là 37,5 tỷ đồng với giá là 10.000 đồng/cổ phiếu.

- **Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nêu trên:**

Kế hoạch kinh doanh năm 2026 nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty thông qua ngày 09/04/2026. Kế hoạch được Hội đồng quản trị xây dựng trên cơ sở các giả định về kinh tế vĩ mô, diễn biến thị trường chứng khoán và các yếu tố nội tại của Công ty như trình bày dưới đây. Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các yếu tố kinh tế trong và ngoài nước, do đó kết quả thực hiện có thể khác với kế hoạch nếu các giả định này thay đổi.

Về kinh tế vĩ mô

Theo Nghị quyết số 244/2025/QH15 ngày 13/11/2025 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội năm 2026 và Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2026 của Chính phủ, mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2026 phấn đấu đạt từ 10% trở lên, GDP bình quân đầu người đạt 5.400 – 5.500 Đô la Mỹ và tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng bình quân khoảng 4,5%. Năm 2026 là năm mở đầu giai đoạn phát triển 2026 – 2030 với định hướng tăng trưởng hai chữ số. Theo số liệu của Cục Thống kê – Bộ Tài chính, trong sáu tháng đầu năm 2026, GDP tăng 8,18% so với cùng kỳ, riêng Quý II tăng 8,39%; CPI bình quân sáu tháng tăng 4,38%, thấp hơn mục tiêu kiểm soát khoảng 4,5%.

Kế hoạch của Công ty được xây dựng trên giả định chính sách tiền tệ tiếp tục được điều hành theo hướng ưu tiên ổn định kinh tế vĩ mô và kiểm soát lạm phát, đi đôi với hỗ trợ tăng trưởng, đồng thời điều hướng tín dụng nhằm hạn chế áp lực lên lạm phát và tỷ giá. Ở chính sách tài khóa, Chính phủ duy trì định hướng mở rộng, tập trung vào các dự án hạ tầng trọng điểm gồm đường cao tốc, Sân bay Long Thành, hệ thống cảng biển và đường sắt cao tốc Bắc – Nam, đồng thời chú trọng hiệu quả phân bổ vốn. Cùng với đó, Chính phủ tiếp tục rà soát và hoàn thiện các quy định liên quan đến khoa học – công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm cải thiện môi trường đầu tư trong một số lĩnh vực công nghệ cao.

Tiến độ giải ngân đầu tư công là một trong những điều kiện để đạt mục tiêu tăng trưởng. Trong sáu tháng đầu năm 2026, giải ngân đầu tư công tăng 12,1%, thấp hơn mức tăng của cùng kỳ, và vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đăng ký bổ sung giảm 55,1% so với cùng kỳ. Đây là các yếu tố có thể ảnh hưởng đến mức độ hiện thực hóa các giả định nêu trên.

Về thị trường chứng khoán

Ngày 05/05/2025, Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh chính thức đưa vào vận hành hệ thống công nghệ thông tin quản lý và điều hành giao dịch mới trên cơ sở hợp đồng ký kết với Sở Giao dịch Chứng khoán Hàn Quốc. Hệ thống mới nâng cao năng lực xử lý lệnh và tính ổn định của hoạt động giao dịch, đồng thời tạo nền tảng kỹ thuật để triển khai các cơ chế và sản phẩm giao dịch mới theo chuẩn mực quốc tế, trong đó có giao dịch trong ngày, bán khống có bảo đảm và hợp đồng quyền chọn. Việc triển khai các sản phẩm mới là cơ sở để Công ty mở rộng nguồn doanh thu ngoài môi giới và cho vay giao dịch ký quỹ.

Ngày 07/10/2025, FTSE Russell công bố nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam từ Thị

trường Cận biên lên Thị trường Mới nổi Thứ cấp. Ngày 08/04/2026, tại kết quả rà soát giữa kỳ thuộc kỳ đánh giá tháng 3/2026, FTSE Russell xác nhận giữ nguyên lộ trình nâng hạng với ngày hiệu lực dự kiến 21/09/2026; việc đưa cổ phiếu Việt Nam vào các bộ chỉ số toàn cầu của FTSE Russell được triển khai theo nhiều đợt, bắt đầu từ tháng 9/2026 và hoàn tất vào tháng 9/2027. Việc sửa đổi Luật Chứng khoán, vận hành hệ thống giao dịch mới và triển khai cơ chế giao dịch không yêu cầu ký quỹ trước theo Thông tư số 68/2024/TT-BTC và Thông tư số 08/2026/TT-BTC là các điều kiện giúp thị trường chứng khoán Việt Nam đáp ứng các tiêu chí về chất lượng thị trường của FTSE Russell. Theo Đề án nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam, mục tiêu đến năm 2030 là đáp ứng các tiêu chí nâng hạng lên thị trường mới nổi theo tiêu chuẩn của MSCI và thị trường mới nổi bậc cao theo tiêu chuẩn của FTSE Russell.

Cùng với đó, cơ quan quản lý tiếp tục định hướng đa dạng hóa sản phẩm trên thị trường, trong đó khuyến khích phát hành trái phiếu chính phủ xanh, trái phiếu chính quyền địa phương xanh và trái phiếu doanh nghiệp xanh. Định hướng này mở rộng phạm vi sản phẩm cho hoạt động tư vấn phát hành và phân phối của các công ty chứng khoán, trong đó có Công ty.

Diễn biến thanh khoản là yếu tố có ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng thực hiện kế hoạch. Trong sáu tháng đầu năm 2026, giá trị giao dịch bình quân mỗi phiên đạt khoảng 25.500 tỷ đồng, tương đương mức bình quân năm 2025, trong khi nhà đầu tư nước ngoài bán ròng khoảng 77.266 tỷ đồng trên HOSE. Trường hợp thanh khoản không cải thiện trong các quý còn lại của năm 2026, doanh thu hoạt động môi giới của Công ty có thể thấp hơn mức dự kiến trong kế hoạch.

Về các yếu tố nội tại của Công ty

Cho vay giao dịch ký quỹ là nguồn doanh thu chính trong kế hoạch năm 2026 của Công ty. Tại ngày 30/06/2026, dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ đạt 11.675 tỷ đồng, tăng 8,9% so với thời điểm cuối năm 2025. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ, trong đó nguồn vốn thu được dự kiến phân bổ 70% cho hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ và 30% cho hoạt động tự doanh chứng khoán. Việc tăng vốn điều lệ đồng thời nâng vốn chủ sở hữu và mở rộng giới hạn cho vay giao dịch ký quỹ của Công ty. Tiến độ hoàn tất phương án tăng vốn là một trong các điều kiện để thực hiện kế hoạch tổng tài sản và lợi nhuận năm 2026.

Về phát triển khách hàng, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 đã thông qua mục tiêu nâng số lượng khách hàng lên khoảng 800.000 khách hàng trong năm 2026, trên cơ sở mở rộng kênh giao dịch trực tuyến, hợp tác với các đối tác kinh doanh và triển khai các sản phẩm mới. Trong tháng 06/2026, Công ty đã thực hiện đợt phát hành chứng quyền có bảo đảm thứ hai với 30 mã chứng quyền dựa trên 15 cổ phiếu cơ sở, mở rộng quy mô so với đợt phát hành đầu tiên trong Quý 4/2025.

Kết quả thực hiện sáu tháng đầu năm 2026 gồm doanh thu hoạt động 2.024 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 370 tỷ đồng, tương ứng khoảng 35% kế hoạch lợi nhuận trước thuế năm

2026. Việc hoàn thành kế hoạch cả năm phụ thuộc vào diễn biến thanh khoản thị trường, tiến độ hoàn tất đợt chào bán và tốc độ mở rộng dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ trong các quý còn lại.

Về cổ tức, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 đã thông qua việc không phân phối lợi nhuận năm 2025, giữ lại toàn bộ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối nhằm bổ sung nguồn lực cho hoạt động kinh doanh. Chính sách cổ tức của Công ty được trình bày tại Mục I.11 của Bản Công bố thông tin này.

16. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của Công ty

16.1. Cam kết theo hợp đồng giao dịch ký quỹ

Công ty đã ký hợp đồng giao dịch ký quỹ với các khách hàng, theo đó Công ty sẽ cho khách hàng vay tiền để mua chứng khoán theo các quy định của pháp luật có liên quan. Việc giải ngân tiền vay cho khách hàng thực hiện giao dịch ký quỹ sẽ được thực hiện vào từng thời điểm, phù hợp với quy định trong các hợp đồng giao dịch ký quỹ đã ký với khách hàng và quy định pháp luật hiện hành.

16.2. Cam kết khác

Ngoài cam kết nêu tại Mục 16.1 trên, KAFI không còn cam kết nào chưa thực hiện.

17. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

17.1. Tổng quan về chiến lược kinh doanh

Chiến lược kinh doanh của Công ty trong giai đoạn tới được xây dựng trên nền tảng mô hình bán lẻ trên kênh số, năng lực công nghệ và tệp khách hàng cá nhân đang mở rộng, với định hướng phát triển thành công ty chứng khoán bán lẻ có quy mô lớn trên thị trường Việt Nam. Nội dung trọng tâm gồm mở rộng thị phần môi giới, đa dạng hóa sản phẩm tài chính và nâng cao chất lượng trải nghiệm khách hàng thông qua công nghệ.

Chiến lược được triển khai theo ba định hướng sau:

Đẩy mạnh phát triển mảng Dịch vụ chứng khoán và mở rộng tệp khách hàng

- Triển khai đa dạng sản phẩm gồm chứng khoán phái sinh và chứng quyền có bảo đảm, cùng các tiện ích giao dịch mới cho nhà đầu tư nước ngoài, trong đó có cơ chế giao dịch không yêu cầu ký quỹ trước theo quy định tại Thông tư 08/2026/TT-BTC, nhằm đáp ứng yêu cầu phát sinh từ việc nâng hạng thị trường;
- Mở rộng quy mô cho vay giao dịch ký quỹ và thị phần môi giới trên cơ sở năng lực vốn được bổ sung;
- Nâng cao năng suất của đội ngũ kinh doanh thông qua đào tạo chuyên sâu định kỳ và các hội thảo chuyên đề về thị trường. Công ty triển khai nền tảng KAFI Sales phục vụ công tác quản lý khách hàng, theo dõi danh mục sản phẩm và đo lường hiệu quả kinh doanh của đội ngũ;

- Mở rộng mạng lưới tiếp cận khách hàng qua mô hình đối tác kinh doanh và hợp tác với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam (VIB) cùng các nền tảng công nghệ.

Tăng trưởng mảng Quản lý nguồn vốn và Dịch vụ ngân hàng đầu tư:

- Mở rộng hoạt động đầu tư trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi; đa dạng hóa nguồn vốn trong nước và quốc tế nhằm tối ưu chi phí vốn và cấu trúc kỳ hạn;
- Phát triển dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp, gồm tư vấn chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng và tư vấn mua bán, sáp nhập doanh nghiệp; phát triển các sản phẩm công cụ nợ có cấu trúc;
- Mở rộng quan hệ đối tác với các định chế tài chính nước ngoài nhằm tăng khả năng tiếp cận nguồn vốn quốc tế;
- Phát triển kênh phân phối trực tuyến các sản phẩm có thu nhập cố định trên ứng dụng và website của Công ty cho khách hàng cá nhân và khách hàng tổ chức.

Nâng cao năng lực công nghệ và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI):

- Đầu tư hạ tầng dữ liệu và trí tuệ nhân tạo phục vụ phân tích hành vi, nhu cầu khách hàng và hỗ trợ ra quyết định kinh doanh;
- Tích hợp từng bước trí tuệ nhân tạo vào sản phẩm, hoạt động vận hành và các điểm tiếp xúc với khách hàng, nhằm nâng cao mức độ cá nhân hóa dịch vụ và hiệu quả xử lý nghiệp vụ;
- Mở rộng chiều sâu hệ sinh thái sản phẩm, dịch vụ và phát triển năng lực vận hành trên nền tảng dữ liệu;
- củng cố khung quản trị, an toàn hệ thống và bảo mật thông tin tương ứng với quy mô hoạt động mở rộng

17.2. Thời gian dự kiến thực hiện

Công ty dự kiến triển khai các chiến lược trên trong vòng 03 – 05 năm tới.

17.3. Nguồn vốn và nguồn lực dự kiến

Nguồn vốn dự kiến để triển khai các chiến lược kinh doanh nêu trên đến từ nguồn tiền thu được từ các đợt tăng vốn điều lệ của Công ty và nguồn thu từ lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, Công ty sẽ cân nhắc khả năng huy động thêm từ nguồn vốn vay hoặc các công cụ nợ khác nếu điều kiện thị trường thuận lợi.

18. Các thông tin, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty

Không có.

II. QUẢN TRỊ CÔNG TY**1. Cơ cấu, thành phần của HĐQT**

Tại thời điểm hiện tại, HĐQT Công ty bao gồm 05 (năm) thành viên, chi tiết như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Việt Cường	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Trần Tuấn Minh	Thành viên HĐQT
3	Ông Hà Hoàng Dũng	Thành viên HĐQT
4	Ông Trịnh Thanh Cần	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
5	Ông Diệp Thế Anh	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

Nguồn: KAFI tổng hợp

• Nguyễn Việt Cường – Chủ tịch HĐQT

- Giới tính: Nam.
- Năm sinh: 1976.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Trình độ chuyên môn:
 - + Cử nhân Kinh tế;
 - + ACCA/FCCA;
 - + Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ đầu tư.
- Quá trình công tác:
 - + 09/1998 - 09/2002: Kiểm toán viên/Kiểm toán viên cao cấp Công ty TNHH Kiểm Toán KPMG Việt Nam;
 - + 10/2002 - 09/2003: Trưởng phòng Kế toán Quản trị Công ty TNHH Unilever Bestfoods Việt Nam;
 - + 10/2003 - 12/2006: Chuyên viên Đầu tư/Giám đốc Đầu tư Công ty TNHH VinaCapital Corporate Finance Vietnam;
 - + 01/2007 - 12/2012: Phó giám đốc Điều hành Công ty TNHH VinaCapital Corporate Finance Vietnam;
 - + 01/2013 - 11/2024: Giám đốc Điều hành Công ty CP SXKD XNK Bình Thạnh – Gilimex;
 - + 03/2019 - 03/2022: Thành viên Hội đồng quản trị độc lập Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam – VIB;

- + 01/2015 – 04/2025: Thành viên HĐQT Công ty CP SXKD XNK Bình Thạnh – Gilimex;
- + 03/2025 – 04/2026: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI;
- + 04/2026 – nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI.
- Chức vụ đang nắm giữ tại KAFI: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Các khoản nợ với KAFI: Không
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại KAFI của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ:
 - + Sở hữu cá nhân: 5.500.000 cổ phần, chiếm 0,7333% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần
- Thông tin về những người có liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của KAFI: Không có
- Lợi ích liên quan đến Công ty:
 - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký đại chúng và đến hiện tại:

Năm	Thù lao, thưởng (triệu đồng)	Lợi ích khác (triệu đồng)	
		ESOP	Cổ tức
2024	0	Không có	0
2025	1.350	Không có	0
Bán niên 2026	975	Không có	0

- + Các giao dịch khác: Chi tiết theo mục 6 dưới đây.
- + Thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với KAFI hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của KAFI: Không có

• **Trần Tuấn Minh – Thành viên Hội đồng quản trị**

- Giới tính: Nam.
- Năm sinh: 1974.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Trình độ chuyên môn:

- + Cử nhân Kinh tế.
- Quá trình công tác:
 - + 2000 – 2003: Nhân viên Công ty Du lịch Hạ Long;
 - + 2003 – 2008: Trợ lý Nhân sự/Trưởng Phòng Nhân sự Công ty Liên doanh sản xuất Bột mì Vimaflour;
 - + 2008 – 2012: Giám đốc Nhân sự Công ty cổ phần Tư vấn Nhân sự NIC;
 - + 2012 – 2014: Giám đốc Phòng Chế độ chính sách Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam;
 - + 2014 – 2017: Phó giám đốc Ban Nhân sự kiêm Giám đốc Phòng Dịch vụ Nhân sự Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam;
 - + 2017 – nay: Giám đốc Ban Nhân sự Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam;
 - + 2022 – nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI.
- Chức vụ đang nắm giữ tại KAFI: Thành viên Hội đồng quản trị
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc Ban Nhân sự Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam
- Các khoản nợ với KAFI: Không
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại KAFI của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ:
 - + Sở hữu cá nhân: 3.882.000 cổ phần, chiếm 0,5176% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - + Sở hữu của người có liên quan: 30.000 cổ phần, chiếm 0,004% vốn điều lệ.
- Thông tin về những người có liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của KAFI:

Họ tên	Chức vụ tại KAFI	Số lượng sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
Trần Tuấn Long	Không	30.000	0,004	Anh/chị/em ruột

- Lợi ích liên quan đến Công ty:
 - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký đại chúng và đến hiện tại:

Năm	Thù lao, thưởng (triệu đồng)	Lợi ích khác (triệu đồng)	
		ESOP	Cổ tức
2024	900	Không có	428
2025	1.125	Không có	1.603
Bán niên 2026	600	Không có	0

- + Các giao dịch khác: Chi tiết theo mục 6 dưới đây.
- + Thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với KAFI hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của KAFI: Không có

• **Hà Hoàng Dũng – Thành viên Hội đồng quản trị**

- Giới tính: Nam.
- Năm sinh: 1974.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Trình độ chuyên môn:
 - + Cử nhân Ngân hàng.
- Quá trình công tác:
 - + 1995 – 1996: Nhân viên Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam;
 - + 1996 – 2008: Giám đốc Nguồn vốn và Ngoại hối Ngân hàng Mizuho Corporate Bank - Chi Nhánh Hà Nội;
 - + 2008 – 2010: Phó TGD kiêm Giám đốc Khối Nguồn vốn và Ngoại hối Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam;
 - + 2010 – 2011: Phó TGD phụ trách Đầu tư và các Dự án Đặc biệt Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam;
 - + 2011 – 2012: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Khối Quản trị Rủi ro Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam;
 - + Từ 2012 – 2017: Giám đốc Phòng Quản lý Rủi ro Thị trường và Định chế Tài chính kiêm Giám đốc Phòng Quản lý Rủi ro Hoạt động Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam;
 - + Từ 2017 – 2018: Phó giám đốc Khối Quản trị Rủi ro kiêm Giám đốc Trung tâm Giám sát Rủi ro và Tuân thủ Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam;
 - + Từ 07/2018 – nay: Giám đốc Khối Quản trị Rủi ro và Tuân thủ Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam;
 - + Từ 2022 – nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI.
- Chức vụ đang nắm giữ tại KAFI: Thành viên Hội đồng quản trị

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc Khối Quản trị Rủi ro và Tuân thủ Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam
- Các khoản nợ với KAFI: Không
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại KAFI của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ:
 - + Sở hữu cá nhân: 3.750.000 cổ phần, chiếm 0,5% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần.
- Thông tin về những người có liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của KAFI: Không có
- Lợi ích liên quan đến Công ty:
 - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký đại chúng và đến hiện tại:

Năm	Thù lao, thưởng (triệu đồng)	Lợi ích khác (triệu đồng)	
		ESOP	Cổ tức
2024	900	Không có	285
2025	1.125	Không có	1.069
Bán niên 2026	600	Không có	0

- + Các giao dịch khác: Chi tiết theo mục 6 dưới đây.
 - + Thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với KAFI hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của KAFI: Không có
- **Trịnh Thanh Cần – Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng giám đốc**
 - Giới tính: Nam.
 - Năm sinh: 1978
 - Quốc tịch: Việt Nam.
 - Trình độ chuyên môn:
 - + Cử nhân Tài chính Đại học Bang California;
 - + Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ.
 - Quá trình công tác:

- + Từ 2005 – 2007: Quản lý Quan hệ Khách hàng Doanh nghiệp & Định chế Tài chính Ngân hàng HSBC Việt Nam;
- + Từ 2007 – 2011: Giám đốc Khối Phân tích Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt;
- + Từ 2011 – 2015: Giám đốc Khối Ngân hàng Đầu tư Công ty Cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh;
- + Từ 2015 – 2022: TGD, Công ty TNHH Chứng khoán ACB;
- + Từ 2022 – nay: Chủ tịch Ban đại diện quỹ tại Quỹ đầu tư trái phiếu mở rộng Chubb.
- + Từ 2022 – 23/11/2025: Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI;
- + Từ 24/11/2025 – nay: TGD kiêm Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI.
- Chức vụ đang nắm giữ tại KAFI: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch Ban đại diện Quỹ đầu tư trái phiếu mở rộng Chubb
- Các khoản nợ với KAFI: Không có
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại KAFI của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ:
 - + Sở hữu cá nhân: 2.266.690 cổ phần, chiếm 0,3022% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần.
- Thông tin về những người có liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của KAFI: Không có
- Lợi ích liên quan đến Công ty:
 - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký đại chúng và đến hiện tại:

Năm	Thù lao, thưởng (triệu đồng)	Lợi ích khác (triệu đồng)	
		ESOP	Cổ tức
2024	4.085,3	Không có	644
2025	3.935,7	Không có	2.869
Bán niên 2026	2.299,9	Không có	0

- + Các giao dịch khác: Chi tiết theo mục 6 dưới đây.

- + Thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với KAFI hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của KAFI: Ông Trịnh Thanh Cần hiện là Chủ tịch Ban đại diện quỹ của Quỹ đầu tư trái phiếu mở rộng Chubb.

- **Diệp Thế Anh – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc**

- Giới tính: Nam.
- Năm sinh: 1980.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Trình độ chuyên môn:
 - + Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh Học viện Maastricht School of Management;
 - + Thạc sĩ Khoa học Phát triển Hệ thống Thông tin Đại học Khoa học HAN;
 - + Cử nhân Khoa học Ứng dụng Đại học RMIT Úc;
 - + Chứng chỉ hành nghề Phân tích Tài chính.
- Quá trình công tác:
 - + 2007 – 2016: Giám đốc Công nghệ thông tin, CTCP Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh;
 - + 2016 – 2020: Phó TGD, Công ty TNHH Chứng khoán ACB;
 - + 2020 – 2022: Giám đốc Nghiên cứu & Phát triển, CTCP Chứng khoán SSI;
 - + 2022 – 23/11/2025: Phó TGD, Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI;
 - + 24/11/2025 – nay: Phó TGD kiêm Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI.
- Chức vụ đang nắm giữ tại KAFI: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó TGD
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Các khoản nợ với KAFI: Không có
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại KAFI của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ:
 - + Sở hữu cá nhân: 600.000 cổ phần, chiếm 0,08% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần.
- Thông tin về những người có liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của KAFI: Không có
- Lợi ích liên quan đến Công ty:
 - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký đại chúng và đến hiện tại:

Năm	Thù lao, thưởng (triệu đồng)	Lợi ích khác (triệu đồng)	
		ESOP	Cổ tức
2024	2.787,3	Không có	0
2025	2.342,3	Không có	171
Bán niên 2026	2.443,6	Không có	0

- + Các giao dịch khác: Chi tiết theo mục 6 dưới đây.
- + Thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với KAFI hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của KAFI: Không có

2. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của Công ty bao gồm 03 (ba) thành viên, trong đó có một thành viên là Trưởng Ban kiểm soát.

STT	Họ và Tên	Chức danh
1.	Ông Nguyễn Thanh Hải	- Trưởng Ban kiểm soát
2.	Bà Mai Hiền Vân	- Kiểm soát viên
3.	Ông Trần Xuân Cảnh	- Kiểm soát viên

• Nguyễn Thanh Hải – Trưởng Ban kiểm soát

- Giới tính: Nam.
- Năm sinh: 1981
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Trình độ chuyên môn:
 - + Thạc sĩ Ngân hàng ĐH Kinh tế Tp.HCM;
 - + Kiểm toán viên Bộ Tài chính;
 - + Cử nhân Kinh tế ĐH Tôn Đức Thắng;
 - + Cử nhân Ngữ văn Anh ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn;
 - + Chứng chỉ Cơ bản về Chứng khoán và Thị trường chứng khoán;
 - + Chứng chỉ Luật áp dụng trong ngành Chứng khoán.
- Quá trình công tác:
 - + 2003 – 2008: Kiểm toán viên Công ty Kiểm toán & Tư Vấn (A&C);

- + 2008 – 2011: Trưởng Phòng Kiểm toán Nội bộ Công ty chứng khoán Saigonbank;
- + 2011 – 2014: Giám đốc Kiểm toán BCTC Công ty Kiểm toán Khang Việt;
- + 2014 – 2015: Giám đốc Kiểm toán Nội bộ Công ty Chứng Khoán Maybank Kimeng;
- + 2015 – nay: Giám đốc Bộ phận Kiểm toán Khối NV&NH Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam;
- + 2022 – nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI.
- Chức vụ đang nắm giữ tại KAFI: Trưởng Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Các khoản nợ với KAFI: Không có
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại KAFI của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ: Không có
- Thông tin về những người có liên quan của Ban Kiểm soát đồng thời là cổ đông, người nội bộ của KAFI: Không có
- Lợi ích liên quan đến Công ty:
 - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký đại chúng và đến hiện tại:

Năm	Thù lao, thưởng (triệu đồng)	Lợi ích khác (triệu đồng)	
		ESOP	Cổ tức
2024	600	Không có	0
2025	825	Không có	0
Bán niên 2026	450	Không có	0

- + Các giao dịch khác: Chi tiết theo mục 6 dưới đây.
- + Ban Kiểm soát có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với KAFI hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của KAFI: Không có.

• **Mai Hiền Vân – Kiểm soát viên**

- Giới tính: Nữ.
- Năm sinh: 1991.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Trình độ chuyên môn:

- + Cử nhân Tài chính ngân hàng Trường Raffles International College.
- Quá trình công tác:
 - + 2012 – 2016: Chuyên viên cao cấp Ngân hàng Citibank N.A – Chi nhánh Hà Nội;
 - + 08/2017 – 11/2017: Kế toán Trường quốc tế đa cấp Anh – Hà Nội (BIS);
 - + 2017 – 2018: Trợ lý Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam.
 - + 2018 – 2024: Chuyên viên cao cấp Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam;
 - + 2024 – 2/2026: Chuyên viên HTKD – Phòng Chứng khoán phái sinh Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI;
 - + 2022 – nay: Kiểm soát viên tại Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI.
- Chức vụ đang nắm giữ tại KAFI: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Các khoản nợ với KAFI: Không có
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại KAFI của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ:
 - + Sở hữu cá nhân: 300.000 cổ phần, chiếm 0,04% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần.
- Thông tin về những người có liên quan của Ban Kiểm soát đồng thời là cổ đông, người nội bộ của KAFI: Không có
- Lợi ích liên quan đến Công ty:
 - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký đại chúng và đến hiện tại:

Năm	Thù lao, thưởng (triệu đồng)	Lợi ích khác (triệu đồng)	
		ESOP	Cổ tức
2024	345,1	Không có	0
2025	1.522,3	Không có	86
Bán niên 2026	588,5	Không có	0

- + Các giao dịch khác: Chi tiết theo mục 6 dưới đây.
- + Ban Kiểm soát có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với KAFI hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của KAFI: Không có

• **Trần Xuân Cảnh – Kiểm soát viên**

- Giới tính: Nam.

- Năm sinh: 1984
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Trình độ chuyên môn:
 - + Cử nhân Kinh tế học Khoa Kinh tế - Đại học Quốc Gia HCM.
- Quá trình công tác:
 - + 2007 – 2013: Chuyên viên kinh doanh ngoại tệ mặt HCM Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - Hội Sở;
 - + 2013 – 2018: Chuyên viên cao cấp giao dịch kinh doanh Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - Hội Sở;
 - + 2019 – 2021: Giám đốc Bộ phận kinh doanh HCM Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - Hội Sở;
 - + 2021 – nay: Giám đốc Bộ phận sản phẩm cấu trúc và phái sinh Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - Hội Sở;
 - + 2022 – nay: Kiểm soát viên tại Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI.
- Chức vụ đang nắm giữ tại KAFI: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Các khoản nợ với KAFI: Không có
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại KAFI của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ:
 - + Sở hữu cá nhân: 15.000 cổ phần, chiếm 0,002% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần.
- Thông tin về những người có liên quan của Ban Kiểm soát đồng thời là cổ đông, người nội bộ của KAFI: Không có
- Lợi ích liên quan đến Công ty:
 - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký đại chúng và đến hiện tại:

Năm	Thù lao, thưởng (triệu đồng)	Lợi ích khác (triệu đồng)	
		ESOP	Cổ tức
2024	300	Không có	0
2025	480	Không có	86
Bán niên 2026	270	Không có	0

- + Các giao dịch khác: Chi tiết theo mục 6 dưới đây.
- + Ban Kiểm soát có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với KAFI hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của KAFI: Không có.

3. Ban Tổng giám đốc

Công ty hiện tại bao gồm 02 (hai) thành viên. Danh sách Ban TGD của Công ty hiện tại như sau:

STT		Họ và Tên	Chức danh
1.	Ông	Trịnh Thanh Cần	- Tổng giám đốc
2.	Ông	Diệp Thế Anh	- Phó Tổng giám đốc

- **Trịnh Thanh Cần – Tổng giám đốc**

(Chi tiết xem tại mục thông tin Thành viên Hội đồng quản trị)

- **Diệp Thế Anh – Phó Tổng giám đốc**

(Chi tiết xem tại mục thông tin Thành viên Hội đồng quản trị)

4. Kế hoạch tăng cường quản trị Công ty

Để chuẩn bị cho công tác quản trị công ty sau trở thành công ty đại chúng, Công ty đã từng bước xây dựng lộ trình quản trị trên tinh thần tuân thủ nguyên tắc và nội dung quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng theo quy định tại Điều 40, 41 Luật Chứng khoán năm 2019 và sẽ thực hiện đầy đủ theo các quy định, hướng dẫn tại Chương VIII: Quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng - Nghị định 155/2020/NĐ-CP. Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty đã triển khai được một số hoạt động quản trị như sau:

- Thông qua Điều lệ Công ty theo mẫu áp dụng đối với Công ty đại chúng;
- HĐQT, Ban kiểm soát đáp ứng đúng điều kiện và tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan;
- Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty;
- Thông qua Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị;
- Thông qua Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát;

Trong bối cảnh môi trường kinh doanh có nhiều biến động, Công ty xác định việc tăng cường năng lực quản trị doanh nghiệp là yếu tố then chốt để đảm bảo hoạt động bền vững, minh bạch và hiệu quả. Trong giai đoạn 2025 – 2030, Công ty đặt mục tiêu nâng cấp hệ thống quản trị theo các nội dung sau:

a. Tăng cường tính minh bạch và công bố thông tin

- Tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật và các chuẩn mực quản trị công ty dành cho công

ty đại chúng, đảm bảo công bố thông tin minh bạch, kịp thời và chính xác.

- Phát triển hệ thống quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ, bảo đảm tính độc lập và hiệu quả của hoạt động kiểm toán nội bộ.
- Tăng cường tương tác với cổ đông và nhà đầu tư, thiết lập kênh Quan hệ cổ đông ("IR") chuyên biệt nhằm minh bạch hóa các thông tin tài chính, định hướng chiến lược và hoạt động kinh doanh.

b. Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của HĐQT và Ban Điều hành

- Thường xuyên tổ chức đào tạo và cập nhật kiến thức cho các thành viên HĐQT và Ban điều hành nhằm theo kịp xu thế quản trị hiện đại, ESG và chuyển đổi số.
- Thiết lập quỹ chế đánh giá định kỳ hiệu quả hoạt động của HĐQT và Tổng giám đốc, gắn với các chỉ tiêu tài chính và phi tài chính cụ thể.

c. Triển khai quản trị theo hướng chuyển đổi số và dữ liệu hóa

- Đẩy mạnh hiện đại hóa hạ tầng công nghệ thông tin, nâng cấp hệ thống lõi (Core Securities) và các nền tảng giao dịch trực tuyến nhằm số hóa toàn diện quy trình.
- Đầu tư hệ thống phân tích dữ liệu thông minh (BI - Business Intelligence) và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong việc phân tích xu hướng thị trường, hành vi nhà đầu tư để phục vụ công tác tư vấn, tự doanh và quản trị rủi ro danh mục theo thời gian thực.
- Tăng cường hệ thống an toàn, an ninh thông tin và bảo mật dữ liệu giao dịch; đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn an ninh mạng trong lĩnh vực tài chính – chứng khoán và quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

5. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

Bảng 16. Danh sách người nội bộ và người có liên quan tại ngày 16/07/2026

STT	Họ tên cá nhân/Tên tổ chức	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Mối quan hệ với người nội bộ
I	Hội đồng quản trị (HĐQT)				
1	Nguyễn Việt Cường (*)	Chủ tịch HĐQT	5.500.000	0,7333	-
1.	Lê Thu Thủy	Không	-	-	Vợ
2.	Nguyễn Việt Đăng Khôi	Không	-	-	Con Ruột
3.	Đào Thúy Duyên	Không	-	-	Mẹ Ruột

STT	Họ tên cá nhân/Tên tổ chức	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Mối quan hệ với người nội bộ
4.	Nguyễn Thị Kim Hồng Thịnh	Không	-	-	Mẹ vợ
5.	Nguyễn Đức Trung	Không	-	-	Anh ruột
6.	Nguyễn Mỹ Trang Hương	Không	-	-	Em ruột
7.	Trần Mộng Thúy Vy	Không	-	-	Chị dâu
2	Trần Tuấn Minh	Thành viên HĐQT	3.882.000	0,5176	-
1.	Huỳnh Thị Hồng Thủy	Không	-	-	Vợ
2.	Trần Khánh Đan	Không	-	-	Con đẻ
3.	Trần Hoàng Dương	Không	-	-	Con đẻ
4.	Vũ Thị Lê	Không	-	-	Mẹ đẻ
5.	Huỳnh Thanh	Không	-	-	Bố vợ
6.	Mai Thị Nguyệt	Không	-	-	Mẹ vợ
7.	Trần Tuấn Long	Không	30.000	0,004	Anh/chị/em ruột
8.	Nguyễn Thị Nguyên	Không	-	-	Chị dâu
3	Hà Hoàng Dũng	Thành viên HĐQT	3.750.000	0,5000	-
1.	Phạm Đắc Bi	Không	-	-	Bố vợ
2.	Vũ Thị Hào	Không	-	-	Mẹ vợ
3.	Phạm Thu Hà	Không	-	-	Vợ
4.	Hà Minh Đức	Không	-	-	Con đẻ

STT	Họ tên cá nhân/Tên tổ chức	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Mối quan hệ với người nội bộ
5.	Hà Ngọc Minh	Không	-	-	Con đẻ
6.	Hà Minh Hiếu	Không	-	-	Con đẻ
7.	Hà Hoàng Anh	Không	-	-	Anh/chị/em ruột
8.	Phạm Vũ Bảo	Không	-	-	Anh/chị/em của vợ hoặc chồng
9.	Yana Sompetch	Không	-	-	Anh rể
4	Trịnh Thanh Cần (*)	Tổng giám đốc, Thành viên HĐQT	2.266.690	0,3022	-
1.	Trần Phương Thảo	Không	-	-	Vợ
2.	Trịnh Minh Trị	Không	-	-	Con
3.	Trịnh Như Mây	Không	-	-	Con
4.	Trịnh Đình Ban	Không	-	-	Bố
5.	Trịnh Đình Tuệ	Không	-	-	Anh
6.	Trịnh Hồng Nhựt	Không	-	-	Anh
7.	Trần Tiến Đức	Không	-	-	Bố vợ
8.	Nguyễn Thị Hạnh	Không	-	-	Mẹ vợ
9.	Đỗ Sông Hồng	Không	-	-	Chị dâu
10.	Quỹ đầu tư trái phiếu mở rộng Chubb	Không	-	-	Tổ chức mà ông Trịnh Thanh Cần là Chủ tịch Ban đại diện quỹ

STT	Họ tên cá nhân/Tên tổ chức	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Mối quan hệ với người nội bộ
5	Diệp Thế Anh	Phó Tổng giám đốc, Thành viên HĐQT	600.000	0,0800	-
1.	Ông Thị Thanh Thảo	Không	-	-	Vợ
2.	Diệp Bảo Hậu	Không	-	-	Cha ruột
3.	Nguyễn Thị Ngọc Trinh	Không	-	-	Mẹ ruột
4.	Ông Ích Dũng	Không	-	-	Cha vợ
5.	Diệp Thảo Linh	Không	-	-	Con
6.	Diệp Thảo Anh	Không	-	-	Con
II	Ban kiểm soát (BKS)				
1	Nguyễn Thanh Hải	Trưởng Ban kiểm soát	-	-	-
1.	Nguyễn Văn Mến	Không	-	-	Bố đẻ
2.	Nguyễn Thị Hường	Không	-	-	Mẹ đẻ
3.	Nguyễn Thanh Vũ	Không	-	-	Anh ruột
4.	Nguyễn Thụy Hoài Thu	Không	-	-	Chị dâu
5.	Nguyễn Thanh Thông	Không	-	-	Anh ruột
6.	Nguyễn Hải Long	Không	-	-	Con đẻ
2	Mai Hiền Vân	Kiểm soát viên	300.000	0,0400	-
1.	Mai Xuân Dũng	Không	-	-	Bố đẻ
2.	Trần Văn Thanh	Không	-	-	Bố chồng

STT	Họ tên cá nhân/Tên tổ chức	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Mối quan hệ với người nội bộ
3.	Nguyễn Thị Minh Hiền	Không	-	-	Mẹ đẻ
4.	Nguyễn Thúy Nga	Không	-	-	Mẹ chồng
5.	Trần Hồng Quân	Không	-	-	Chồng
6.	Trần Minh Huy	Không	-	-	Con đẻ
7.	Mai Hiền Trang	Không	-	-	Anh/chị/em ruột
8.	Fabien Maurice André Jaillet	Không	-	-	Anh rể
3	Trần Xuân Cảnh	Kiểm soát viên	15.000	0,002	-
1.	Trần Xuân Khu	Không	-	-	Bố đẻ
2.	Vũ Thanh Phời	Không	-	-	Bố vợ
3.	Ngô Thị Hà	Không	-	-	Mẹ đẻ (đã mất)
4.	Đoàn Thị Làn	Không	-	-	Mẹ vợ
5.	Vũ Hải An	Không	-	-	Vợ
6.	Trần Tuấn Đạt	Không	-	-	Con đẻ
7.	Trần Tuấn Vũ	Không	-	-	Con đẻ
8.	Trần Ngọc Hoàng	Không	-	-	Em ruột
9.	Nguyễn Vũ Phúc Hiền	Không	-	-	Em dâu
III Ban Tổng giám đốc/Kế toán trưởng					
1	Trịnh Thanh Cần (*)	Tổng giám đốc	2.266.690	0,3022	-
1.	Trần Phương Thảo	Không	-	-	Vợ

STT	Họ tên cá nhân/Tên tổ chức	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Mối quan hệ với người nội bộ
2.	Trịnh Minh Trị	Không	-	-	Con
3.	Trịnh Như Mây	Không	-	-	Con
4.	Trịnh Đình Ban	Không	-	-	Bố
5.	Trịnh Đình Tuệ	Không	-	-	Anh
6.	Trịnh Hồng Nhựt	Không	-	-	Anh
7.	Trần Tiến Đức	Không	-	-	Bố vợ
8.	Nguyễn Thị Hạnh	Không	-	-	Mẹ vợ
9.	Đỗ Sông Hồng	Không	-	-	Chị dâu
10.	Quỹ đầu tư trái phiếu mở rộng Chubb	Không	-	-	Tổ chức mà ông Trịnh Thanh Cần là Chủ tịch Ban đại diện quỹ
2	Diệp Thế Anh	Phó Tổng giám đốc	600.000	0,0800	-
1.	Ông Thị Thanh Thảo	Không	-	-	Vợ
2.	Diệp Bảo Hậu	Không	-	-	Cha ruột
3.	Nguyễn Thị Ngọc Trinh	Không	-	-	Mẹ ruột
4.	Ông Ích Dũng	Không	-	-	Cha vợ
5.	Diệp Thảo Linh	Không	-	-	Con
6.	Diệp Thảo Anh	Không	-	-	Con
3	Trần Nhật Tiến	Giám đốc Tài chính	247.400	0,0330	-

STT	Họ tên cá nhân/Tên tổ chức	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Mối quan hệ với người nội bộ
1.	Trần Văn Hùng	Không	-	-	Bố đẻ
2.	Nguyễn Thị Kim Loan	Không	-	-	Mẹ đẻ
3.	Trần Hoàng Thy	Không	-	-	Chị ruột
4.	Trần Hiếu Minh	Không	-	-	Em ruột
4	Nguyễn Thị Thu Nhi	Kế toán trưởng	-	-	-
1.	Lê Nguyễn Trí Kiên	Không	-	-	Con
2.	Lê Phú Quốc	Không	-	-	Chồng
3.	Nguyễn Thành Khải	Không	-	-	Cha
4.	Đỗ Thị Nhon	Không	-	-	Mẹ
5.	Nguyễn Thị Thu Hạ	Không	-	-	Em
6.	Nguyễn Thị Thanh Nhân	Không	-	-	Em
7.	Vũ Đình Việt	Không	-	-	Em rể
8.	Hà Thị Kha	Không	-	-	Mẹ Chồng
9.	Lê Cau	Không	-	-	Ba chồng
IV	Khác				
1	Phan Thị Hồng Thắm	Phụ trách CBTT Phụ trách quản trị công ty	-	-	-
1.	Phan Xuân Sá	Không	-	-	Bố
2.	Võ Thị Dung	Không	-	-	Mẹ

STT	Họ tên cá nhân/Tên tổ chức	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Mối quan hệ với người nội bộ
3.	Phan Xuân Tín	Không	-	-	Anh ruột
4.	Phan Thị Hồng Tươi	Không	-	-	Chị ruột
5.	Phan Thị Hồng Thảo	Không	-	-	Em ruột
6.	Phan Xuân Tâm	Không	-	-	Em ruột
2	Phan Thị Kim Huệ	Người phụ trách kế toán	3.000	0,0004	-
1.	Phan Văn Chín	Không	-	-	Cha
2.	Nguyễn Thị Loan	Không	-	-	Mẹ
3.	Phan Chí Đức	Không	-	-	Em trai
4.	Phan Thị Kim Tuyến	Không	-	-	Em gái
5.	Phan Thị Kim Tuyên	Không	-	-	Em gái

(*) Các cá nhân đồng thời là Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Nguồn: KAFI Tổng hợp

6. Thống kê các giao dịch giữa Công ty với người có liên quan theo quy định

Bảng 17. Giao dịch giữa Công ty và người có liên quan của Công ty bán niên 2026

STT	Họ tên	Chức vụ tại Công ty	Mối quan hệ với Nhân sự kê khai	Loại, tổng giá trị giao dịch
1	Lê Quang Trung	Chủ tịch Hội đồng quản trị		Khoản phải trả khác Giá trị: 730.787 đồng
				Giao dịch chứng khoán

STT	Họ tên	Chức vụ tại Công ty	Mối quan hệ với Nhân sự kê khai	Loại, tổng giá trị giao dịch
				Phí dịch vụ: 17.683.790 đồng
				Giao dịch Giấy tờ có giá Giá trị: 17.019.005.478 đồng
2	Nguyễn Việt Cường	Chủ tịch Hội đồng quản trị		Giao dịch vay vốn Giá trị: 10.265.445.198 đồng
				Khoản trả lãi vay Giá trị: 33.561.638 đồng
				Khoản phải trả khác Giá trị: 2.887 đồng
				Giao dịch chứng khoán Phí dịch vụ: 11.055.438 đồng
				Giao dịch Giấy tờ có giá Giá trị: 9.345.370.297 đồng
2.1	Trần Mộng Thúy Vy	Không	Chị ruột	Giao dịch Giấy tờ có giá: Giá trị: 18.076.327.836 đồng
3	Trần Tuấn Minh	Thành viên HĐQT		Giao dịch vay vốn Giá trị: 2.792.368.602 đồng
				Khoản trả lãi vay Giá trị: 63.263.757 đồng
				Giao dịch chứng khoán Phí dịch vụ: 2.498.864 đồng
				Giao dịch Giấy tờ có giá Giá trị: 2.516.065.926 đồng

STT	Họ tên	Chức vụ tại Công ty	Mối quan hệ với Nhân sự kê khai	Loại, tổng giá trị giao dịch
3.1	Trần Tuấn Long	Không	Anh/Em ruột	Giao dịch vay vốn Giá trị: 624.151.467 đồng
				Khoản trả lãi vay Giá trị: 5.622.090 đồng
				Khoản phải trả khác Giá trị: 0 đồng
				Giao dịch chứng khoán Phí dịch vụ: 15.363 đồng
				Giao dịch Giấy tờ có giá Giá trị: 491.872.315 đồng
3.2	Huỳnh Thị Hồng Thủy	Không	Vợ	Giao dịch vay vốn Giá trị: 1.207.612.383 đồng
				Khoản trả lãi vay Giá trị: 18.119.819 đồng
				Khoản phải trả khác Giá trị: 654.746.783 đồng
				Giao dịch Giấy tờ có giá Giá trị: 1.624.734.373 đồng
3.3	Trần Khánh Đan	Không	Con đẻ	Giao dịch Giấy tờ có giá Giá trị: 5.081.608 đồng
4	Hà Hoàng Dũng	Thành viên HĐQT		Khoản phải trả khác Giá trị: 50.425 đồng



STT	Họ tên	Chức vụ tại Công ty	Mối quan hệ với Nhân sự kê khai	Loại, tổng giá trị giao dịch
				Giao dịch chứng khoán Phí dịch vụ: 1.065.867 đồng
4.1	Hà Hoàng Anh	Không	Anh/Chị/Em ruột	Giao dịch Giấy tờ có giá Giá trị: 1.107.498.072 đồng
5	Nguyễn Thanh Hải	Thành viên Ban Kiểm soát		Giao dịch chứng khoán Phí dịch vụ: 118.335 đồng
6	Trần Xuân Cảnh	Thành viên Ban kiểm soát		Giao dịch chứng khoán Phí dịch vụ: 44.493 đồng
				Giao dịch Giấy tờ có giá Giá trị: 3.417.451.740 đồng
6.1	Trần Xuân Khu	Không	Bố đẻ	Giao dịch Giấy tờ có giá Giá trị: 8.016.329 đồng
6.2	Trần Ngọc Hoàng	Không	Em ruột	Giao dịch Giấy tờ có giá Giá trị: 1.553.281.405 đồng
7	Mai Hiền Vân	Thành viên Ban kiểm soát		Giao dịch vay vốn Tổng giá trị: 8.005.972.155 đồng
				Khoản trả lãi vay Giá trị: 42.656.896 đồng
				Khoản phải trả khác Giá trị: 60.274 đồng
				Giao dịch chứng khoán Phí dịch vụ: 3.477.145 đồng

STT	Họ tên	Chức vụ tại Công ty	Mối quan hệ với Nhân sự kê khai	Loại, tổng giá trị giao dịch
				Giao dịch Giấy tờ có giá Giá trị: 10.044.030.658 đồng
7.1	Nguyễn Thúy Nga	Không	Mẹ chồng	Khoản phải trả khác Giá trị: 88.951 đồng
7.2	Trần Hồng Quân	Không	Chồng	Khoản phải trả khác Giá trị: 8.066 đồng
7.3	Nguyễn Thị Minh Hiền	Không	Mẹ đẻ	Giao dịch vay vốn Tổng giá trị: 2.319.538.284 đồng
				Giao dịch Giấy tờ có giá: Giá trị: 200.000.000 đồng
8	Trịnh Thanh Cần	TGD, Thành viên HĐQT		Giao dịch vay vốn Tổng giá trị: 1.283.775.151 đồng
				Khoản trả lãi vay Giá trị: 8.314.459 đồng
				Giao dịch Giấy tờ có giá: Giá trị: 3.313.666.989 đồng
8.1	Trịnh Đình Ban	Không	Bố	Giao dịch vay vốn Tổng giá trị: 12.828.568 đồng
				Khoản trả lãi vay Giá trị: 71.225 đồng
				Giao dịch chứng khoán Phí dịch vụ: 175 đồng

STT	Họ tên	Chức vụ tại Công ty	Mối quan hệ với Nhân sự kê khai	Loại, tổng giá trị giao dịch
9	Diệp Thế Anh	Phó Thành viên HĐQT		Giao dịch vay vốn Tổng giá trị: 30.313.806.970 đồng
				Khoản trả lãi vay Giá trị: 226.395.322 đồng
				Giao dịch chứng khoán Phí dịch vụ: 125.014 đồng
				Giao dịch Giấy tờ có giá Giá trị: 14.241.719.201 đồng
10	Nguyễn Thị Thu Nhi	Kế toán trưởng		Giao dịch vay vốn Tổng giá trị: 850.889.849 đồng
				Khoản trả lãi vay Giá trị: 6.556.303 đồng
				Khoản phải trả khác Giá trị: 0 đồng
				Giao dịch Giấy tờ có giá Giá trị: 1.162.083.472 đồng
10.1	Lê Phú Quốc	Không	Chồng	Khoản trả K-Points Tổng giá trị: 232.558 đồng
10.2	Nguyễn Thị Thu Hạ	Không	Em	Giao dịch vay vốn Tổng giá trị: 144.361.253 đồng
				Khoản trả lãi vay Giá trị: 1.193.414 đồng

STT	Họ tên	Chức vụ tại Công ty	Mối quan hệ với Nhân sự kê khai	Loại, tổng giá trị giao dịch
				Giao dịch Giấy tờ có giá Giá trị: 0 đồng
11	Trần Nhật Tiến	Giám đốc tài chính		Giao dịch chứng khoán Phí dịch vụ: 20.355 đồng
				Giao dịch Giấy tờ có giá Giá trị: 2.174.088.274 đồng
11.2	Trần Văn Hùng	Không	Bố	Khoản phải trả khác Giá trị: 21.003 đồng

Nguồn: Báo cáo tình hình quản trị Công ty 6 tháng đầu năm 2026

III. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH, CAM KẾT CỦA CÔNG TY

1. Những người chịu trách nhiệm chính đối với nội dung Bản công bố thông tin Tổ chức đăng ký giao dịch

1.1. Tổ chức đăng ký giao dịch

Ông Nguyễn Việt Cường	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
Ông Trịnh Thanh Cần	Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
Ông Trần Nhật Tiến	Chức vụ: Giám đốc Tài chính
Ông Nguyễn Thanh Hải	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin Tổ chức đăng ký giao dịch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản công bố thông tin Tổ chức đăng ký giao dịch.

1.2. Tổ chức tư vấn:

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Léman Luxury, 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (028) 7300 7000

Website: www.acbs.com.vn

2. Cam kết của Công ty

- Công ty cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực, đầy đủ, chính xác của thông tin tại Bản công bố thông tin và các tài liệu kèm theo.
- Sau khi được xác nhận hoàn tất đăng ký giao dịch, công ty tuân thủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Chứng khoán.

TP Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 12 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KAFI



NGUYỄN VIỆT CƯỜNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



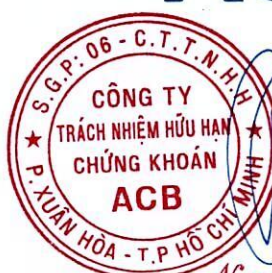
TRỊNH THANH CẦN

GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH



TRẦN NHẬT TIẾN

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB



Nguyễn Đức Hoàn
TỔNG GIÁM ĐỐC

